

THÔNG BÁO

Kết quả thi khảo sát năng lực Tiếng Anh đầu vào đợt 2 cho sinh viên ĐHCQ khóa 67

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|----|-----|------------|-------------------|-----|------------|----------|---------|
| 1 | 1 | 2551282872 | Hồ Đình | An | 67KTRB2 | 2.4 | |
| 2 | 2 | 2551183136 | Nguyễn Bình | An | 67KTH2 | 3.6 | |
| 3 | 3 | 2551041400 | Nguyễn Hoàng Chúc | An | 67CX3 | 4 | Đạt |
| 4 | 4 | 2553025386 | Nguyễn Trường | An | 67LUAT KT1 | 7.6 | Đạt |
| 5 | 5 | 2553015261 | Phạm Thành | An | 67LUAT1 | 2.4 | |
| 6 | 6 | 2551122314 | Phạm Văn | An | 67KTĐ1 | 3.8 | |
| 7 | 7 | 2554014026 | Bùi Thị Phương | Anh | 67K2 | 3.4 | |
| 8 | 8 | 2554014027 | Cao Kỳ | Anh | 67K1 | 2.6 | |
| 9 | 9 | 2551193270 | Đặng Nguyễn Nhật | Anh | 67CNSH1 | Vắng thi | |
| 10 | 10 | 2551183137 | Đặng Thị Lan | Anh | 67KTH1 | 2.8 | |
| 11 | 11 | 2551131926 | Diêm Tuấn | Anh | 67GT1 | 2.6 | |
| 12 | 12 | 2551142093 | Đinh Đức | Anh | 67QLXD3 | 8 | Đạt |
| 13 | 13 | 2551011245 | Đinh Đức | Anh | 67C1 | 3.6 | |
| 14 | 14 | 2554033552 | Đỗ Hoàng Kiều | Anh | 67KT1 | 3.4 | |
| 15 | 15 | 2554044165 | Đỗ Thị Ngọc | Anh | 67KTXD2 | 4 | Đạt |
| 16 | 16 | 2551212527 | Đỗ Tuấn | Anh | 67TĐH2 | 4.2 | Đạt |
| 17 | 17 | 2551111702 | Đỗ Việt | Anh | 67CT2 | 2.8 | |
| 18 | 18 | 2554023403 | Doãn Hoàng | Anh | 67QT1 | Vắng thi | |
| 19 | 19 | 2551041407 | Đoàn Trung | Anh | 67CX3 | 5 | Đạt |
| 20 | 20 | 2551093006 | Dương Thị Ngọc | Anh | 67MT2 | 4 | Đạt |
| 21 | 21 | 2551122317 | Dương Việt | Anh | 67KTĐ2 | 5.8 | Đạt |
| 22 | 22 | 2554083687 | Hoàng Ngọc | Anh | 67TCNH1 | 3.2 | |
| 23 | 23 | 2551041409 | Hoàng Tuấn | Anh | 67CX3 | Vắng thi | |
| 24 | 24 | 2554083688 | Hoàng Việt | Anh | 67TCNH2 | 7.6 | Đạt |
| 25 | 25 | 2551024795 | Lê Hoàng | Anh | 67N1 | 2.4 | |
| 26 | 26 | 2551122319 | Lê Nhật | Anh | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 27 | 27 | 2551193274 | Lê Phương | Anh | 67CNSH1 | Vắng thi | |
| 28 | 28 | 2551122321 | Lương Đức | Anh | 67KTĐ3 | Vắng thi | |
| 29 | 29 | 2554093818 | Lương Thị Lan | Anh | 67KTA2 | 4.4 | Đạt |
| 30 | 30 | 2551170850 | Ngô Thị Kiều | Anh | 67KTPM1 | 4.4 | Đạt |
| 31 | 31 | 2553015268 | Nguyễn Bảo | Anh | 67LUAT1 | 3 | |
| 32 | 32 | 2551111708 | Nguyễn Đăng Quang | Anh | 67CT3 | Vắng thi | |
| 33 | 33 | 2554033558 | Nguyễn Diệp | Anh | 67KT1 | 4 | Đạt |
| 34 | 34 | 2551170851 | Nguyễn Đức | Anh | 67KTPM1 | 2.4 | |
| 35 | 35 | 2551282878 | Nguyễn Đức | Anh | 67KTRB1 | 5.6 | Đạt |
| 36 | 36 | 2551041413 | Nguyễn Duy | Anh | 67CX4 | 3.4 | |
| 37 | 37 | 2551142101 | Nguyễn Hải | Anh | 67QLXD2 | 2.8 | |
| 38 | 38 | 2551011248 | Nguyễn Hải | Anh | 67C1 | Vắng thi | |
| 39 | 39 | 2551142102 | Nguyễn Hoàng | Anh | 67QLXD3 | 7.8 | Đạt |
| 40 | 40 | 2551122325 | Nguyễn Hoàng | Anh | 67KTĐ1 | 3.4 | |
| 41 | 41 | 2551111709 | Nguyễn Lê Thái | Anh | 67CT3 | Vắng thi | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|----|-----|------------|----------------------|------|------------|----------|---------|
| 42 | 42 | 2551160717 | Nguyễn Mai | Anh | 67HTTT1 | 4.6 | Đạt |
| 43 | 43 | 2551131930 | Nguyễn Quốc | Anh | 67GT1 | 6.6 | Đạt |
| 44 | 44 | 2551142106 | Nguyễn Thế | Anh | 67QLXD2 | 6 | Đạt |
| 45 | 45 | 2554033560 | Nguyễn Thị Lan | Anh | 67KT1 | 3.8 | |
| 46 | 46 | 2551183147 | Nguyễn Thị Lan | Anh | 67KTH1 | 4.2 | Đạt |
| 47 | 47 | 2553015269 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 67LUAT1 | 2.8 | |
| 48 | 48 | 2554093822 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 67KTA1 | 2.8 | |
| 49 | 49 | 2554093823 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 67KTA2 | Vắng thi | |
| 50 | 50 | 2553025389 | Nguyễn Thị Quỳnh | Anh | 67LUAT KT1 | 3.2 | |
| 51 | 51 | 2551075035 | Nguyễn Tuấn | Anh | 67CTN1 | 2.8 | |
| 52 | 52 | 2551170853 | Nguyễn Tuấn | Anh | 67KTPM2 | 4.4 | Đạt |
| 53 | 53 | 2551041416 | Nguyễn Tuấn | Anh | 67CX3 | 3 | |
| 54 | 54 | 2551271117 | Nguyễn Tuấn | Anh | 67ANM2 | 3.4 | |
| 55 | 55 | 2551011254 | Nguyễn Việt | Anh | 67C2 | 2.6 | |
| 56 | 56 | 2554054309 | Phạm Duy Tuấn | Anh | 67TMĐT1 | 4.8 | Đạt |
| 57 | 57 | 2551193280 | Phạm Quỳnh | Anh | 67CNSH2 | Vắng thi | |
| 58 | 58 | 2554093826 | Phạm Thị Lan | Anh | 67KTA2 | 3.8 | |
| 59 | 59 | 2551271119 | Phạm Thị Mai | Anh | 67ANM2 | 3.6 | |
| 60 | 60 | 2551242682 | Phạm Tuấn | Anh | 67ĐTVT1 | 4.2 | Đạt |
| 61 | 61 | 2551242683 | Phan | Anh | 67ĐTVT2 | 4.8 | Đạt |
| 62 | 62 | 2553025393 | Phùng Thị Quỳnh | Anh | 67LUAT KT1 | 4.4 | Đạt |
| 63 | 63 | 2554123958 | Phùng Trần Văn | Anh | 67CNTC | 3.8 | |
| 64 | 64 | 2554083697 | Trần Thị Kiều | Anh | 67TCNH2 | 2.2 | |
| 65 | 65 | 2551105146 | Trương Nguyễn Nguyệt | Anh | 67H1 | 4.2 | Đạt |
| 66 | 66 | 2554083698 | Vũ Minh | Anh | 67TCNH2 | 3.2 | |
| 67 | 67 | 2554064453 | Vũ Thị | Anh | 67QTDL1 | 4 | Đạt |
| 68 | 68 | 2553015273 | Vũ Thị Minh | Anh | 67LUAT2 | 2.4 | |
| 69 | 69 | 2554093830 | Vũ Thị Ngọc | Anh | 67KTA1 | 3 | |
| 70 | 70 | 2551093017 | Vũ Thị Vân | Anh | 67MT1 | 2.8 | |
| 71 | 71 | 2551183150 | Khuông Thị Ngọc | Ánh | 67KTH1 | 3 | |
| 72 | 72 | 2554104721 | Mai Thị Quỳnh | Ánh | 67KTS | 2.8 | |
| 73 | 73 | 2551034915 | Ngô Nguyệt | Ánh | 67V1 | 5.2 | Đạt |
| 74 | 74 | 2551105147 | Nguyễn Thị Minh | Ánh | 67H2 | 3.6 | |
| 75 | 75 | 2554023416 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | 67QT2 | 3.6 | |
| 76 | 76 | 2554014046 | Phan Thị Minh | Ánh | 67K1 | 2.8 | |
| 77 | 77 | 2551111711 | Đỗ Anh | Ba | 67CT1 | 3.2 | |
| 78 | 78 | 2551183151 | Nguyễn Xuân | Bắc | 67KTH1 | 2.4 | |
| 79 | 79 | 2551242688 | Tạ Xuân | Bắc | 67ĐTVT1 | 4.6 | Đạt |
| 80 | 80 | 2551131938 | Tăng Bá | Bắc | 67GT2 | 3 | |
| 81 | 81 | 2551041424 | Trần Gia | Bách | 67CX1 | 3.6 | |
| 82 | 82 | 2551271124 | Trần Xuân | Bách | 67ANM1 | 9 | Đạt |
| 83 | 83 | 2554054314 | Bạch Đăng | Bảo | 67TMĐT1 | 3.8 | |
| 84 | 84 | 2553015276 | Hoàng Gia | Bảo | 67LUAT1 | Vắng thi | |
| 85 | 85 | 2551220309 | Nguyễn Đình | Bảo | 67CTM2 | Vắng thi | |
| 86 | 86 | 2554104723 | Nguyễn Gia | Bảo | 67KTS | 4 | Đạt |
| 87 | 87 | 2551060584 | Nguyễn Thái | Bảo | 67CNTT2 | 2.4 | |
| 88 | 88 | 2551011258 | Phạm Anh | Bảo | 67C1 | 2 | |
| 89 | 89 | 2551111719 | Phạm Gia | Bảo | 67CT3 | Vắng thi | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|---------|
| 90 | 90 | 2551193284 | Trịnh Đức | Bảo | 67CNSH2 | 2.6 | |
| 91 | 91 | 2551131942 | Hoàng Quang | Bích | 67GT1 | 2.6 | |
| 92 | 92 | 2551282887 | Lê Ngọc | Bích | 67KTRB2 | 3.6 | |
| 93 | 93 | 2551122330 | Phạm Ngọc | Bích | 67KTĐ2 | 3.6 | |
| 94 | 94 | 2554044182 | Hoàng Lê Hải | Bình | 67KTXD2 | 3.8 | |
| 95 | 95 | 2553025396 | Hoàng Văn | Bình | 67LUAT KT2 | 3 | |
| 96 | 96 | 2551170862 | Lê Đức | Bình | 67KTPM2 | 4.2 | Đạt |
| 97 | 97 | 2551041430 | Nguyễn Duy | Bình | 67CX1 | 2.8 | |
| 98 | 98 | 2551122334 | Nguyễn Kim Thanh | Bình | 67KTĐ3 | 2.2 | |
| 99 | 99 | 2553025397 | Vũ Đức | Bình | 67LUAT KT1 | 4 | Đạt |
| 100 | 100 | 2551282889 | Nguyễn Huy | Cận | 67KTRB1 | 4 | Đạt |
| 101 | 101 | 2551170863 | Tạ Văn | Cảnh | 67KTPM2 | 2.8 | |
| 102 | 102 | 2551142116 | Nguyễn Thị Bảo | Châm | 67QLXD2 | 3.4 | |
| 103 | 103 | 2551193286 | Nguyễn Thị Thùy | Châm | 67CNSH1 | 7.2 | Đạt |
| 104 | 104 | 2551075039 | Nguyễn Bảo | Châu | 67CTN1 | 4.6 | Đạt |
| 105 | 105 | 2551034919 | Nguyễn Minh | Châu | 67V1 | 3.8 | |
| 106 | 106 | 2551122335 | Trương Văn | Châu | 67KTĐ1 | 5.4 | Đạt |
| 107 | 107 | 2553015279 | Bùi Khánh | Chi | 67LUAT2 | 4.4 | Đạt |
| 108 | 108 | 2554023422 | Đặng Quỳnh | Chi | 67QT2 | 5.8 | Đạt |
| 109 | 109 | 2554033570 | Lê Hà | Chi | 67KT2 | 3.4 | |
| 110 | 110 | 2554104724 | Lê Quỳnh | Chi | 67KTS | 3.2 | |
| 111 | 111 | 2554104725 | Nguyễn Linh | Chi | 67KTS | 3.4 | |
| 112 | 112 | 2554074585 | Nguyễn Quỳnh | Chi | 67LG2 | 2.8 | |
| 113 | 113 | 2551193290 | Đỗ Thanh | Chiến | 67CNSH2 | 3.8 | |
| 114 | 114 | 2551193291 | Lương Mạnh | Chiến | 67CNSH1 | 3.2 | |
| 115 | 115 | 2551111722 | Phạm Minh | Chiến | 67CT3 | Vắng thi | |
| 116 | 116 | 2551170864 | Phạm Văn | Chiến | 67KTPM1 | 4 | Đạt |
| 117 | 117 | 2554104726 | Nguyễn Thị Khánh | Chinh | 67KTS | 4 | Đạt |
| 118 | 118 | 2551122336 | Đông Văn | Chính | 67KTĐ2 | 4 | Đạt |
| 119 | 119 | 2551183156 | Đỗ Thanh | Chúc | 67KTH1 | 2.6 | |
| 120 | 120 | 2551105152 | Lê Đức | Chung | 67H2 | 2.8 | |
| 121 | 121 | 2551131946 | Hắc Văn | Chương | 67GT2 | Vắng thi | |
| 122 | 122 | 2551142122 | Phạm Thế | Chuyên | 67QLXD3 | 3.4 | |
| 123 | 123 | 2551212538 | Nguyễn Doãn | Cơ | 67TĐH2 | 8.6 | Đạt |
| 124 | 124 | 2551111725 | Ngô Anh | Công | 67CT3 | 4 | Đạt |
| 125 | 125 | 2551041434 | Nguyễn Duy | Công | 67CX2 | 7.8 | Đạt |
| 126 | 126 | 2551170868 | Nguyễn Thành | Công | 67KTPM1 | 5 | Đạt |
| 127 | 127 | 2551060588 | Nguyễn Văn | Công | 67CNTT1 | 4 | Đạt |
| 128 | 128 | 2554044185 | Phạm Nguyễn Thành | Công | 67KTXD2 | 8 | Đạt |
| 129 | 129 | 2551183158 | Phạm Thành | Công | 67KTH1 | Vắng thi | |
| 130 | 130 | 2551111726 | Vũ Hữu Thành | Công | 67CT1 | Vắng thi | |
| 131 | 131 | 2551122339 | Nguyễn Đình | Cương | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 132 | 132 | 2554074588 | Nguyễn Hữu | Cương | 67LG1 | 2.8 | |
| 133 | 133 | 2551060589 | Phạm Trí | Cương | 67CNTT1 | 5.6 | Đạt |
| 134 | 134 | 2554083706 | Trần Duy | Cương | 67TCNH2 | 2.8 | |
| 135 | 135 | 2551060590 | Bùi Văn Nam | Cường | 67CNTT2 | 5 | Đạt |
| 136 | 136 | 2551271128 | Đào Minh | Cường | 67ANM2 | Vắng thi | |
| 137 | 137 | 2554074589 | Lương Mạnh | Cường | 67LG1 | 3 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|------------|----------|---------|
| 138 | 138 | 2551282895 | Nguyễn Đăng | Cường | 67KTRB1 | 3.2 | |
| 139 | 139 | 2551242695 | Nguyễn Mạnh | Cường | 67ĐTVT2 | 3.6 | |
| 140 | 140 | 2551041436 | Nguyễn Sỹ | Cường | 67CX3 | Vắng thi | |
| 141 | 141 | 2551212540 | Trương Quốc | Cường | 67TĐH1 | 5 | Đạt |
| 142 | 142 | 2551041438 | Mẫn Bá Bách | Đắc | 67CX4 | 3 | |
| 143 | 143 | 2551034924 | Đặng Văn | Đại | 67V2 | 3.4 | |
| 144 | 144 | 2551282896 | Đào Trọng | Đại | 67KTRB2 | 2.2 | |
| 145 | 145 | 2553015280 | Đình Kim | Đại | 67LUAT2 | Vắng thi | |
| 146 | 146 | 2551111728 | Lê Xuân | Đại | 67CT1 | 1.8 | |
| 147 | 147 | 2551131951 | Lê Di | Đan | 67GT1 | 3.2 | |
| 148 | 148 | 2554023424 | Phan Thị Hồng | Đan | 67QT1 | 4 | Đạt |
| 149 | 149 | 2551282897 | Bùi Hải | Đặng | 67KTRB1 | 4 | Đạt |
| 150 | 150 | 2551131952 | Dư Minh | Đặng | 67GT2 | 3.6 | |
| 151 | 151 | 2553015281 | Lê Hải | Đặng | 67LUAT1 | 3.2 | |
| 152 | 152 | 2551075040 | Nguyễn Hải | Đặng | 67CTN1 | Vắng thi | |
| 153 | 153 | 2554033575 | Hoàng Thị | Đào | 67KT1 | 3.8 | |
| 154 | 154 | 2551034926 | Nông Trọng | Đạo | 67V1 | 2.6 | |
| 155 | 155 | 2551122348 | La Quang | Đạt | 67KTĐ1 | 2 | |
| 156 | 156 | 2551212543 | Lê Mạnh | Đạt | 67TĐH1 | 3.6 | |
| 157 | 157 | 2551271130 | Lê Thành | Đạt | 67ANM1 | 2.4 | |
| 158 | 158 | 2551131954 | Lê Văn | Đạt | 67GT1 | 2.8 | |
| 159 | 159 | 2554044188 | Nguyễn Hoàng Tiến | Đạt | 67KTXD1 | 1.6 | |
| 160 | 160 | 2551041449 | Nguyễn Thành | Đạt | 67CX4 | 3.2 | |
| 161 | 161 | 2551041450 | Nguyễn Tiến | Đạt | 67CX3 | 4.4 | Đạt |
| 162 | 162 | 2551131955 | Nguyễn Tiến | Đạt | 67GT2 | 3.2 | |
| 163 | 163 | 2551041451 | Nguyễn Văn | Đạt | 67CX3 | 3 | |
| 164 | 164 | 2553025401 | Nguyễn Xuân | Đạt | 67LUAT KT1 | 4.4 | Đạt |
| 165 | 165 | 2551212545 | Phạm Tiến | Đạt | 67TĐH2 | 4.6 | Đạt |
| 166 | 166 | 2551183159 | Phạm Tiến | Đạt | 67KTH1 | 3 | |
| 167 | 167 | 2553025402 | Trần Tiến | Đạt | 67LUAT KT1 | 4.6 | Đạt |
| 168 | 168 | 2553015282 | Trương Mạnh | Đạt | 67LUAT2 | 3 | |
| 169 | 169 | 2551271132 | Vũ Thành | Đạt | 67ANM2 | 3.2 | |
| 170 | 170 | 2551271133 | Vũ Thành | Đạt | 67ANM1 | 4 | Đạt |
| 171 | 171 | 2551111736 | Đình Tân | Đệ | 67CT1 | 2.4 | |
| 172 | 172 | 2551183160 | Bùi Thị | Diễm | 67KTH1 | 4.4 | Đạt |
| 173 | 173 | 2551160739 | Nguyễn Thị Bích | Diệp | 67HTTT2 | 3 | |
| 174 | 174 | 2554023427 | Nguyễn Thị Ngọc | Diệp | 67QT1 | 4.4 | Đạt |
| 175 | 175 | 2551183161 | Hoà Như | Diệp | 67KTH2 | 3.2 | |
| 176 | 176 | 2554044190 | Trần Phương | Diệp | 67KTXD1 | 5.4 | Đạt |
| 177 | 177 | 2551041455 | Đình Mạnh | Đình | 67CX2 | Vắng thi | |
| 178 | 178 | 2554054320 | Nguyễn Thị | Dịu | 67TMĐT2 | 3.2 | |
| 179 | 179 | 2551093028 | Trần Mạnh | Đoàn | 67MT1 | 3.2 | |
| 180 | 180 | 2551242703 | Trần Ngọc | Đoàn | 67ĐTVT3 | 3.4 | |
| 181 | 181 | 2551111738 | Trần Văn | Đoàn | 67CT1 | 3 | |
| 182 | 182 | 2551041456 | Đào Hoàng | Đông | 67CX3 | 4.8 | Đạt |
| 183 | 183 | 2551271134 | Lê Văn | Duẩn | 67ANM2 | 3.2 | |
| 184 | 184 | 2551041458 | Phạm Văn | Duẩn | 67CX4 | 4.6 | Đạt |
| 185 | 185 | 2551034929 | Chảo Minh | Đức | 67V1 | 4.4 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|------------|----------|---------|
| 186 | 186 | 2551183164 | Đỗ Trung | Đức | 67KTH1 | 4.2 | Đạt |
| 187 | 187 | 2551242705 | Đỗ Văn | Đức | 67ĐTVT2 | 1.8 | |
| 188 | 188 | 2553015284 | Lê Anh | Đức | 67LUAT1 | 3.6 | |
| 189 | 189 | 2551242709 | Mai Trung | Đức | 67ĐTVT2 | 3 | |
| 190 | 190 | 2551093030 | Nguyễn Anh | Đức | 67MT1 | 5.8 | Đạt |
| 191 | 191 | 2553025407 | Nguyễn Minh | Đức | 67LUAT KT2 | 3.6 | |
| 192 | 192 | 2551111741 | Nguyễn Trung | Đức | 67CT3 | Vắng thi | |
| 193 | 193 | 2551170874 | Nguyễn Văn | Đức | 67KTPM2 | 3.6 | |
| 194 | 194 | 2551230436 | Phạm Văn | Đức | 67KTO2 | Vắng thi | |
| 195 | 195 | 2551093032 | Tạ Mạnh | Đức | 67MT2 | 4.8 | Đạt |
| 196 | 196 | 2551212549 | Trần Văn | Đức | 67TĐH2 | 3.8 | |
| 197 | 197 | 2551242714 | Trần Xuân | Đức | 67ĐTVT3 | 3.2 | |
| 198 | 198 | 2551075048 | Trịnh Trung | Đức | 67CTN2 | 4.8 | Đạt |
| 199 | 199 | 2554023431 | Đặng Thị Thùy | Dung | 67QT1 | 2.2 | |
| 200 | 200 | 2554093838 | Đinh Thị Nguyệt | Dung | 67KTA1 | 3 | |
| 201 | 201 | 2554044196 | Lê Thị | Dung | 67KTXD1 | 3.6 | |
| 202 | 202 | 2551183165 | Ngân Thùy | Dung | 67KTH1 | 4.2 | Đạt |
| 203 | 203 | 2551183166 | Phạm Phương | Dung | 67KTH1 | 4.4 | Đạt |
| 204 | 204 | 2553025410 | Triệu Ngọc | Dung | 67LUAT KT1 | 3.6 | |
| 205 | 205 | 2554044198 | Đỗ Thành | Dũng | 67KTXD2 | 2.4 | |
| 206 | 206 | 2551041463 | Đỗ Việt | Dũng | 67CX2 | 2.2 | |
| 207 | 207 | 2551122361 | Hà Tường | Dũng | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 208 | 208 | 2551212550 | Lê Nho | Dũng | 67TĐH2 | Vắng thi | |
| 209 | 209 | 2551220331 | Nguyễn Anh | Dũng | 67CTM2 | 5.2 | Đạt |
| 210 | 210 | 2551122363 | Nguyễn Đăng | Dũng | 67KTĐ2 | 2.8 | |
| 211 | 211 | 2551212551 | Nguyễn Mạnh | Dũng | 67TĐH1 | 4.8 | Đạt |
| 212 | 212 | 2554014061 | Nguyễn Tấn | Dũng | 67K1 | 7.2 | Đạt |
| 213 | 213 | 2551193305 | Nguyễn Tấn | Dũng | 67CNSH2 | 4.8 | Đạt |
| 214 | 214 | 2551034933 | Nguyễn Tiến | Dũng | 67V1 | 3.2 | |
| 215 | 215 | 2553015285 | Nguyễn Trí | Dũng | 67LUAT1 | Vắng thi | |
| 216 | 216 | 2551122364 | Nguyễn Văn | Dũng | 67KTĐ3 | 3.2 | |
| 217 | 217 | 2551111749 | Phạm Tiến | Dũng | 67CT3 | 2.6 | |
| 218 | 218 | 2554023434 | Phạm Văn | Dũng | 67QT2 | 3.8 | |
| 219 | 219 | 2551170876 | Phùng Quang | Dũng | 67KTPM1 | 4.6 | Đạt |
| 220 | 220 | 2551142146 | Tào Ngọc | Dũng | 67QLXD2 | 2.2 | |
| 221 | 221 | 2551111751 | Trần Mạnh | Dũng | 67CT1 | Vắng thi | |
| 222 | 222 | 2551111752 | Vũ Đức | Dũng | 67CT3 | Vắng thi | |
| 223 | 223 | 2551011281 | Vũ Tuấn | Dũng | 67C1 | 4.2 | Đạt |
| 224 | 224 | 2551122367 | Cao Việt | Dương | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 225 | 225 | 2551131963 | Đào Khánh | Dương | 67GT2 | Vắng thi | |
| 226 | 226 | 2551041471 | Lê Anh | Dương | 67CX4 | 2.4 | |
| 227 | 227 | 2554044203 | Nguyễn Ánh | Dương | 67KTXD2 | 2.8 | |
| 228 | 228 | 2554044204 | Nguyễn Công | Dương | 67KTXD1 | 4.6 | Đạt |
| 229 | 229 | 2551282909 | Nguyễn Huy | Dương | 67KTRB1 | 2.8 | |
| 230 | 230 | 2551183169 | Nguyễn Sỹ | Dương | 67KTH2 | 8 | Đạt |
| 231 | 231 | 2551193306 | Nguyễn Thái Bình | Dương | 67CNSH2 | 2.8 | |
| 232 | 232 | 2554033586 | Nguyễn Vũ Thùy | Dương | 67KT1 | 6.6 | Đạt |
| 233 | 233 | 2553015286 | Trần Thùy | Dương | 67LUAT2 | 5.4 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|------------|----------|---------|
| 234 | 234 | 2551142151 | Vũ Ngọc | Đương | 67QLXD2 | 4.6 | Đạt |
| 235 | 235 | 2551041474 | Đỗ Đức | Duy | 67CX3 | 3.4 | |
| 236 | 236 | 2551111756 | Hoàng Đình | Duy | 67CT2 | Vắng thi | |
| 237 | 237 | 2551011285 | Lê Xuân | Duy | 67C2 | Vắng thi | |
| 238 | 238 | 2551242722 | Nguyễn Đức | Duy | 67ĐTVT2 | 4.6 | Đạt |
| 239 | 239 | 2551111757 | Nguyễn Khương | Duy | 67CT3 | 2.8 | |
| 240 | 240 | 2551122373 | Nguyễn Văn | Duy | 67KTĐ1 | 4.8 | Đạt |
| 241 | 241 | 2551242726 | Phạm Phú | Duy | 67ĐTVT1 | 4.6 | Đạt |
| 242 | 242 | 2551041476 | Phạm Văn | Duy | 67CX1 | 2.4 | |
| 243 | 243 | 2554083710 | Vũ Đức | Duy | 67TCNH2 | Vắng thi | |
| 244 | 244 | 2551271143 | Hoàng Thị Thu | Duyên | 67ANM2 | Vắng thi | |
| 245 | 245 | 2554093841 | Lê Thị | Duyên | 67KTA1 | 4.2 | Đạt |
| 246 | 246 | 2554054329 | Nguyễn Thị | Duyên | 67TMĐT2 | 4.2 | Đạt |
| 247 | 247 | 2554074605 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 67LG2 | 5.8 | Đạt |
| 248 | 248 | 2554014065 | Nguyễn Thị Thu | Duyên | 67K2 | 4.6 | Đạt |
| 249 | 249 | 2553025415 | Phương Mỹ | Duyên | 67LUAT KT2 | 3 | |
| 250 | 250 | 2551093038 | Trần Mỹ | Duyên | 67MT2 | 4.4 | Đạt |
| 251 | 251 | 2554074606 | Y Kuin | Êban | 67LG2 | 4.8 | Đạt |
| 252 | 252 | 2554083711 | Đỗ Trường | Giang | 67TCNH1 | Vắng thi | |
| 253 | 253 | 2551034936 | Nguyễn Hương | Giang | 67V2 | 3 | |
| 254 | 254 | 2554054333 | Nguyễn Thị | Giang | 67TMĐT1 | 3.8 | |
| 255 | 255 | 2551183175 | Phạm Trà | Giang | 67KTH2 | 3 | |
| 256 | 256 | 2551111758 | Trần Duy | Giang | 67CT1 | Vắng thi | |
| 257 | 257 | 2551212560 | Bùi Ngọc | Hà | 67TĐH2 | 5 | Đạt |
| 258 | 258 | 2551024820 | Đặng Thu | Hà | 67N2 | 2.8 | |
| 259 | 259 | 2554023437 | Hoàng Thị Phương | Hà | 67QT2 | 4.2 | Đạt |
| 260 | 260 | 2551212561 | Lê Hoàng | Hà | 67TĐH1 | 2.6 | |
| 261 | 261 | 2551041481 | Lê Văn | Hà | 67CX2 | 2.8 | |
| 262 | 262 | 2554064476 | Mai Thu | Hà | 67QTDL2 | 3.6 | |
| 263 | 263 | 2551041482 | Nguyễn Công | Hà | 67CX3 | 4.6 | Đạt |
| 264 | 264 | 2551011292 | Nguyễn Đắc | Hà | 67C2 | 2 | |
| 265 | 265 | 2554033588 | Nguyễn Hồng | Hà | 67KT1 | 4.4 | Đạt |
| 266 | 266 | 2551041483 | Nguyễn Hùng Ngọc | Hà | 67CX4 | 8.2 | Đạt |
| 267 | 267 | 2554044212 | Nguyễn Phương | Hà | 67KTXD1 | 3.8 | |
| 268 | 268 | 2554093844 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 67KTA1 | 5.6 | Đạt |
| 269 | 269 | 2553025418 | Nguyễn Việt | Hà | 67LUAT KT2 | 4.8 | Đạt |
| 270 | 270 | 2554074610 | Phùng Thu | Hà | 67LG1 | 4.4 | Đạt |
| 271 | 271 | 2554033590 | Vũ Thu | Hà | 67KT1 | 7 | Đạt |
| 272 | 272 | 2551122378 | Lê Văn | Hải | 67KTĐ2 | 3.6 | |
| 273 | 273 | 2551142155 | Nguyễn Công Đông | Hải | 67QLXD2 | Vắng thi | |
| 274 | 274 | 2551242732 | Nguyễn Đức | Hải | 67ĐTVT1 | 4.2 | Đạt |
| 275 | 275 | 2551242733 | Nguyễn Hoàng | Hải | 67ĐTVT2 | 2.6 | |
| 276 | 276 | 2554023439 | Nguyễn Thị Thu | Hải | 67QT1 | 6 | Đạt |
| 277 | 277 | 2551041488 | Nguyễn Tiên | Hải | 67CX3 | 3.2 | |
| 278 | 278 | 2551242734 | Nguyễn Văn | Hải | 67ĐTVT3 | 2.2 | |
| 279 | 279 | 2551242735 | Phạm Hoàng | Hải | 67ĐTVT1 | 5 | Đạt |
| 280 | 280 | 2554044213 | Vũ Hoàng | Hải | 67KTXD2 | Vắng thi | |
| 281 | 281 | 2554023440 | Bùi Thị Diệu | Hằng | 67QT2 | 2.6 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|------|------------|----------|---------|
| 282 | 282 | 2551261021 | Chiu Nguyễn Thị | Hằng | 67TTNT1 | 5.6 | Đạt |
| 283 | 283 | 2551142156 | Hoàng Minh | Hằng | 67QLXD3 | 4.2 | Đạt |
| 284 | 284 | 2551105175 | Nguyễn Ngọc Thúy | Hằng | 67H1 | 5.6 | Đạt |
| 285 | 285 | 2554023441 | Nguyễn Thị Thanh | Hằng | 67QT1 | 2.2 | |
| 286 | 286 | 2554033595 | Nguyễn Thị Thu | Hằng | 67KT1 | 5.6 | Đạt |
| 287 | 287 | 2553015292 | Trần Thị | Hằng | 67LUAT2 | 2.6 | |
| 288 | 288 | 2551142157 | Vũ Thanh | Hằng | 67QLXD1 | 3 | |
| 289 | 289 | 2551034938 | Đặng Thị Hồng | Hạnh | 67V2 | 3.4 | |
| 290 | 290 | 2554083718 | Lưu Mỹ | Hạnh | 67TCNH1 | 3.2 | |
| 291 | 291 | 2551142158 | Nguyễn Thị | Hạnh | 67QLXD1 | 2.6 | |
| 292 | 292 | 2554064479 | Nguyễn Song | Hào | 67QTDL1 | 3 | |
| 293 | 293 | 2551170886 | Phan Anh | Hào | 67KTPM1 | Vắng thi | |
| 294 | 294 | 2551041491 | Nguyễn Kim Nguyên | Hạo | 67CX1 | 3.6 | |
| 295 | 295 | 2551093040 | Nguyễn Thị | Hậu | 67MT1 | Vắng thi | |
| 296 | 296 | 2551242739 | Phạm Văn | Hậu | 67ĐTVT2 | 3.2 | |
| 297 | 297 | 2551041493 | Nguyễn Đức | Hiền | 67CX2 | Vắng thi | |
| 298 | 298 | 2551075056 | Đào Thu | Hiền | 67CTN1 | 2.6 | |
| 299 | 299 | 2551034939 | Đinh Thị Thúy | Hiền | 67V1 | 4.6 | Đạt |
| 300 | 300 | 2554044217 | Hoàng Thị Ngọc | Hiền | 67KTXD2 | 3.4 | |
| 301 | 301 | 2554074615 | Hoàng Thúy | Hiền | 67LG1 | 4.4 | Đạt |
| 302 | 302 | 2554054341 | Nông Thị Thanh | Hiền | 67TMĐT2 | 4.4 | Đạt |
| 303 | 303 | 2551142161 | Phạm Thu | Hiền | 67QLXD3 | 2.2 | |
| 304 | 304 | 2554033598 | Trần Thị | Hiền | 67KT1 | 3.4 | |
| 305 | 305 | 2551122382 | Đào Sỹ | Hiền | 67KTĐ1 | 4 | Đạt |
| 306 | 306 | 2551212564 | Nguyễn Phan | Hiền | 67TĐH2 | 3.8 | |
| 307 | 307 | 2554044219 | Cao Hoàng | Hiệp | 67KTXD2 | 2.6 | |
| 308 | 308 | 2551122383 | Ngô Gia | Hiệp | 67KTĐ2 | 4.2 | Đạt |
| 309 | 309 | 2551111765 | Nguyễn Tiến | Hiệp | 67CT1 | 3 | |
| 310 | 310 | 2551105182 | Cái Trọng | Hiếu | 67H1 | 5 | Đạt |
| 311 | 311 | 2551282912 | Đào Minh | Hiếu | 67KTRB1 | Vắng thi | |
| 312 | 312 | 2553025422 | Đỗ Minh | Hiếu | 67LUAT KT2 | 3.4 | |
| 313 | 313 | 2551041497 | Lê Trung | Hiếu | 67CX3 | 4.6 | Đạt |
| 314 | 314 | 2551212567 | Ngô Công | Hiếu | 67TĐH2 | 4.8 | Đạt |
| 315 | 315 | 2551075059 | Nguyễn Đình | Hiếu | 67CTN1 | 4.8 | Đạt |
| 316 | 316 | 2553025423 | Nguyễn Khắc | Hiếu | 67LUAT KT1 | Vắng thi | |
| 317 | 317 | 2551041499 | Phạm Minh | Hiếu | 67CX3 | 3.4 | |
| 318 | 318 | 2551183180 | Phùng Trung | Hiếu | 67KTH1 | 8.4 | Đạt |
| 319 | 319 | 2551242747 | Tạ Minh | Hiếu | 67ĐTVT3 | 3.4 | |
| 320 | 320 | 2551242748 | Trần Trung | Hiếu | 67ĐTVT3 | 5.2 | Đạt |
| 321 | 321 | 2554083722 | Trần Văn | Hiếu | 67TCNH1 | 3.2 | |
| 322 | 322 | 2551212569 | Vũ Văn | Hiếu | 67TĐH1 | 4 | Đạt |
| 323 | 323 | 2551011296 | Dương Văn | Hiếu | 67C1 | 3 | |
| 324 | 324 | 2554083723 | Lê Thị | Hoa | 67TCNH2 | 3 | |
| 325 | 325 | 2551193314 | Tòng Thị | Hoa | 67CNSH2 | 2 | |
| 326 | 326 | 2551142168 | Trần Thanh | Hoa | 67QLXD2 | 3.4 | |
| 327 | 327 | 2551041502 | Nguyễn Đức | Hòa | 67CX4 | 5.8 | Đạt |
| 328 | 328 | 2551282915 | Nguyễn Trọng | Hòa | 67KTRB1 | 3.6 | |
| 329 | 329 | 2551242749 | Phạm Thanh | Hòa | 67ĐTVT1 | 3.4 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|------------|----------|---------|
| 330 | 330 | 2551261029 | Ngô Quang | Hoàn | 67TTNT2 | 3 | |
| 331 | 331 | 2551111771 | Nguyễn Đức | Hoàn | 67CT3 | 2 | |
| 332 | 332 | 2551282916 | Nguyễn Đức | Hoàn | 67KTRB1 | 4 | Đạt |
| 333 | 333 | 2551261030 | Nguyễn Việt | Hoàn | 67TTNT1 | Vắng thi | |
| 334 | 334 | 2551041505 | Bùi Phi | Hoàng | 67CX3 | Vắng thi | |
| 335 | 335 | 2551122387 | Chữ Việt | Hoàng | 67KTĐ3 | 3.8 | |
| 336 | 336 | 2551170888 | Đào Việt Huy | Hoàng | 67KTPM1 | 4.6 | Đạt |
| 337 | 337 | 2551282917 | Đoàn Vũ Huy | Hoàng | 67KTRB1 | 4.4 | Đạt |
| 338 | 338 | 2551212572 | Hà Sỹ | Hoàng | 67TĐH1 | 2.8 | |
| 339 | 339 | 2551212573 | Lê Huy | Hoàng | 67TĐH2 | 2.8 | |
| 340 | 340 | 2551230469 | Lê Việt | Hoàng | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 341 | 341 | 2551041506 | Nguyễn Anh | Hoàng | 67CX4 | 3.6 | |
| 342 | 342 | 2551111773 | Nguyễn Đoàn Huy | Hoàng | 67CT1 | Vắng thi | |
| 343 | 343 | 2554083727 | Nguyễn Duy | Hoàng | 67TCNH2 | 3.8 | |
| 344 | 344 | 2551011300 | Nguyễn Gia | Hoàng | 67C1 | 2.4 | |
| 345 | 345 | 2551041510 | Phạm Mậu Huy | Hoàng | 67CX2 | 2.4 | |
| 346 | 346 | 2551041512 | Phùng Huy | Hoàng | 67CX3 | Vắng thi | |
| 347 | 347 | 2551282921 | Sái Minh | Hoàng | 67KTRB2 | Vắng thi | |
| 348 | 348 | 2551060617 | Tạ Huy | Hoàng | 67CNTT2 | 4.2 | Đạt |
| 349 | 349 | 2551212575 | Tô Văn | Hoàng | 67TĐH2 | 2.6 | |
| 350 | 350 | 2551170891 | Trần Huy | Hoàng | 67KTPM1 | 8.4 | Đạt |
| 351 | 351 | 2551131982 | Trần Lâm | Hoàng | 67GT1 | Vắng thi | |
| 352 | 352 | 2551041514 | Trương Việt | Hoàng | 67CX1 | 4.6 | Đạt |
| 353 | 353 | 2551041516 | Trương Việt | Hoàng | 67CX1 | 5.4 | Đạt |
| 354 | 354 | 2551122389 | Trương Việt | Hoàng | 67KTĐ1 | 2.2 | |
| 355 | 355 | 2554054348 | Đặng Xuân | Hội | 67TMĐT1 | 6.2 | Đạt |
| 356 | 356 | 2551111774 | Nguyễn Văn | Hội | 67CT2 | 2.4 | |
| 357 | 357 | 2551131985 | Trịnh Văn | Hội | 67GT1 | Vắng thi | |
| 358 | 358 | 2553015296 | Ngô Thị | Hồng | 67LUAT1 | 1.8 | |
| 359 | 359 | 2551193318 | Nguyễn Ánh | Hồng | 67CNSH2 | 3.2 | |
| 360 | 360 | 2554023451 | Nguyễn Thị | Hồng | 67QT2 | 4 | Đạt |
| 361 | 361 | 2554023452 | Nguyễn Quang | Huân | 67QT2 | Vắng thi | |
| 362 | 362 | 2551041518 | Đỗ Văn | Huân | 67CX2 | 3.4 | |
| 363 | 363 | 2551170893 | Lương Hữu | Huân | 67KTPM2 | 3.6 | |
| 364 | 364 | 2551183184 | Vũ Thị | Huế | 67KTH1 | 2.6 | |
| 365 | 365 | 2553025427 | Bùi Thị Kim | Huệ | 67LUAT KT2 | 4 | Đạt |
| 366 | 366 | 2551160760 | Đàm Việt | Hùng | 67HTTT2 | 4.2 | Đạt |
| 367 | 367 | 2551041519 | Đặng Quốc | Hùng | 67CX3 | 2.8 | |
| 368 | 368 | 2553025428 | Hoàng Phi | Hùng | 67LUAT KT2 | 3.2 | |
| 369 | 369 | 2554054352 | Lê Đăng Tuấn | Hùng | 67TMĐT1 | Vắng thi | |
| 370 | 370 | 2551122390 | Nguyễn Duy | Hùng | 67KTĐ2 | 4.2 | Đạt |
| 371 | 371 | 2551041521 | Nguyễn Minh | Hùng | 67CX1 | Vắng thi | |
| 372 | 372 | 2553015298 | Nguyễn Văn | Hùng | 67LUAT2 | 2.4 | |
| 373 | 373 | 2551282925 | Nguyễn Xuân | Hùng | 67KTRB1 | 3.8 | |
| 374 | 374 | 2551111777 | Quách Tuấn | Hùng | 67CT3 | 3 | |
| 375 | 375 | 2551041525 | Đỗ Hùng | Hung | 67CX4 | Vắng thi | |
| 376 | 376 | 2553015301 | Nguyễn Gia | Hung | 67LUAT1 | 3.6 | |
| 377 | 377 | 2551011303 | Nguyễn Quốc | Hung | 67C2 | 4.8 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|------------|----------|---------|
| 378 | 378 | 2551111784 | Nguyễn Trọng | Hung | 67CT2 | 7.4 | Đạt |
| 379 | 379 | 2553025430 | Nguyễn Việt | Hung | 67LUAT KT1 | 5 | Đạt |
| 380 | 380 | 2553025431 | Phạm Gia | Hung | 67LUAT KT1 | 5 | Đạt |
| 381 | 381 | 2554044229 | Phạm Quang | Hung | 67KTXD2 | 4 | Đạt |
| 382 | 382 | 2554083734 | Nguyễn Hoàng Diệu | Huong | 67TCNH2 | 5.2 | Đạt |
| 383 | 383 | 2554023457 | Nguyễn Thu | Huong | 67QT2 | 5.4 | Đạt |
| 384 | 384 | 2554054355 | Phạm Thị Thu | Huong | 67TMĐT2 | 4.2 | Đạt |
| 385 | 385 | 2554054357 | Trần Quỳnh | Huong | 67TMĐT2 | 6.8 | Đạt |
| 386 | 386 | 2551093051 | Lê Thị Thu | Hường | 67MT2 | 4.6 | Đạt |
| 387 | 387 | 2554104744 | Lê Thu | Hường | 67KTS | 5 | Đạt |
| 388 | 388 | 2551041531 | Bùi Gia | Huy | 67CX2 | Vắng thi | |
| 389 | 389 | 2553015304 | Bùi Quang | Huy | 67LUAT2 | 5 | Đạt |
| 390 | 390 | 2551242758 | Chu Đức | Huy | 67ĐTVT2 | 5.8 | Đạt |
| 391 | 391 | 2551131989 | Đỗ Ngọc | Huy | 67GT2 | 3.2 | |
| 392 | 392 | 2553015305 | Dương Văn | Huy | 67LUAT2 | 3 | |
| 393 | 393 | 2551242761 | Hà Quang | Huy | 67ĐTVT1 | 7.6 | Đạt |
| 394 | 394 | 2553015306 | Hoàng Gia | Huy | 67LUAT1 | 2.8 | |
| 395 | 395 | 2551212580 | Khổng Minh | Huy | 67TĐH1 | 2.6 | |
| 396 | 396 | 2551212581 | Lê Đăng | Huy | 67TĐH2 | 3.6 | |
| 397 | 397 | 2551131991 | Nguyễn Đình | Huy | 67GT2 | 2.6 | |
| 398 | 398 | 2551142185 | Nguyễn Gia | Huy | 67QLXD2 | 3 | |
| 399 | 399 | 2551041538 | Nguyễn Lê | Huy | 67CX1 | 3.6 | |
| 400 | 400 | 2551230481 | Phạm Hoàng Quốc | Huy | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 401 | 401 | 2551122399 | Phạm Quốc | Huy | 67KTĐ2 | 2.6 | |
| 402 | 402 | 2553015308 | Phạm Tiến | Huy | 67LUAT1 | 5.6 | Đạt |
| 403 | 403 | 2551041541 | Phạm Văn | Huy | 67CX4 | 3.2 | |
| 404 | 404 | 2551060631 | Phạm Việt | Huy | 67CNTT2 | 2.4 | |
| 405 | 405 | 2551242763 | Phạm Vũ | Huy | 67ĐTVT1 | 9.2 | Đạt |
| 406 | 406 | 2551122400 | Trần Gia | Huy | 67KTĐ3 | 8.8 | Đạt |
| 407 | 407 | 2551041542 | Trần Sách | Huy | 67CX2 | 2 | |
| 408 | 408 | 2553025434 | Bùi Thị Thu | Huyền | 67LUAT KT2 | 3.8 | |
| 409 | 409 | 2554033604 | Hà Thị Thu | Huyền | 67KT1 | Vắng thi | |
| 410 | 410 | 2554033605 | Hồ Thanh | Huyền | 67KT1 | 4.8 | Đạt |
| 411 | 411 | 2554093861 | Mạc Thị Khánh | Huyền | 67KTA2 | 4.2 | Đạt |
| 412 | 412 | 2554014078 | Nguyễn Nhật | Huyền | 67K2 | 3.2 | |
| 413 | 413 | 2554074629 | Nguyễn Thị | Huyền | 67LG2 | Vắng thi | |
| 414 | 414 | 2554044233 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | 67KTXD2 | 3.6 | |
| 415 | 415 | 2551034956 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | 67V2 | 3 | |
| 416 | 416 | 2554093862 | Phạm Khánh | Huyền | 67KTA1 | 4.4 | Đạt |
| 417 | 417 | 2553025436 | Phạm Thị Thanh | Huyền | 67LUAT KT2 | 4.4 | Đạt |
| 418 | 418 | 2554064495 | Trần Khánh | Huyền | 67QTDL1 | Vắng thi | |
| 419 | 419 | 2554014079 | Vũ Thị Thanh | Huyền | 67K1 | 4.6 | Đạt |
| 420 | 420 | 2554104748 | Nguyễn Văn | Huyền | 67KTS | 5.8 | Đạt |
| 421 | 421 | 2553015311 | Lê Đình | Khải | 67LUAT2 | 1.6 | |
| 422 | 422 | 2554044234 | Lê Văn | Khải | 67KTXD2 | 3 | |
| 423 | 423 | 2551011313 | Lưu Quang | Khải | 67C1 | 3.2 | |
| 424 | 424 | 2551212585 | Phạm Công | Khải | 67TĐH2 | 3.6 | |
| 425 | 425 | 2551034958 | Nguyễn Mạnh | Khang | 67V2 | 4 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|--------|------------|----------|---------|
| 426 | 426 | 2551111791 | Phạm Tuấn | Khang | 67CT1 | 2.4 | |
| 427 | 427 | 2553015312 | Trần Đức | Khang | 67LUAT1 | 3 | |
| 428 | 428 | 2551261042 | Bùi Ngọc | Khánh | 67TTNT1 | Vắng thi | |
| 429 | 429 | 2551011315 | Đặng Nam | Khánh | 67C2 | 2.8 | |
| 430 | 430 | 2553015314 | Đặng Nam | Khánh | 67LUAT1 | 2.4 | |
| 431 | 431 | 2551041545 | Dương Quốc | Khánh | 67CX4 | Vắng thi | |
| 432 | 432 | 2551111793 | Kiều Nam | Khánh | 67CT2 | 4.2 | Đạt |
| 433 | 433 | 2551282938 | Lê Duy | Khánh | 67KTRB2 | 3.8 | |
| 434 | 434 | 2554083742 | Lê Phúc | Khánh | 67TCNH2 | 2.4 | |
| 435 | 435 | 2551111795 | Nguyễn | Khánh | 67CT1 | 3 | |
| 436 | 436 | 2551111796 | Nguyễn Duy | Khánh | 67CT2 | 4.6 | Đạt |
| 437 | 437 | 2551242768 | Nguyễn Gia | Khánh | 67ĐTVT3 | Vắng thi | |
| 438 | 438 | 2551111797 | Nguyễn Nam | Khánh | 67CT3 | 2 | |
| 439 | 439 | 2551242769 | Nguyễn Nam | Khánh | 67ĐTVT2 | Vắng thi | |
| 440 | 440 | 2551271169 | Nguyễn Quốc | Khánh | 67ANM1 | Vắng thi | |
| 441 | 441 | 2551111799 | Nguyễn Quốc | Khánh | 67CT1 | Vắng thi | |
| 442 | 442 | 2551041548 | Nguyễn Văn | Khánh | 67CX1 | 2.6 | |
| 443 | 443 | 2551111801 | Phạm Quang | Khánh | 67CT2 | 3 | |
| 444 | 444 | 2553015315 | Trần Ngọc | Khánh | 67LUAT2 | 4.6 | Đạt |
| 445 | 445 | 2551261044 | Trương Hồng Nhật | Khánh | 67TTNT1 | 3.2 | |
| 446 | 446 | 2551122403 | Vũ Đình | Khánh | 67KTĐ2 | 3.8 | |
| 447 | 447 | 2554054362 | Nguyễn Anh | Khoa | 67TMĐT1 | 3.2 | |
| 448 | 448 | 2551041551 | Vũ Đăng | Khoa | 67CX2 | Vắng thi | |
| 449 | 449 | 2554023462 | Dương Đình | Khôi | 67QT2 | Vắng thi | |
| 450 | 450 | 2551011322 | Nguyễn Hữu | Khôi | 67C2 | 3 | |
| 451 | 451 | 2551193330 | Trương Văn | Khởi | 67CNSH2 | 3.4 | |
| 452 | 452 | 2551122405 | Nguyễn Đình | Khuong | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 453 | 453 | 2551041555 | Nguyễn Văn | Khuyến | 67CX4 | 4.2 | Đạt |
| 454 | 454 | 2551282942 | Đàm Trung | Kiên | 67KTRB1 | 3.2 | |
| 455 | 455 | 2551122406 | Đỗ Việt | Kiên | 67KTĐ3 | 3.8 | |
| 456 | 456 | 2551122407 | Hoàng Trung | Kiên | 67KTĐ2 | 5.4 | Đạt |
| 457 | 457 | 2553015317 | Lâm Chí | Kiên | 67LUAT2 | 2.4 | |
| 458 | 458 | 2551160768 | Lò Đức | Kiên | 67HTTT1 | 3 | |
| 459 | 459 | 2551111803 | Nguyễn Hữu | Kiên | 67CT2 | 4 | Đạt |
| 460 | 460 | 2553025441 | Nguyễn Trung | Kiên | 67LUAT KT1 | 2.4 | |
| 461 | 461 | 2551041559 | Trần Trí | Kiên | 67CX3 | 2.8 | |
| 462 | 462 | 2551271171 | Vũ Trung | Kiên | 67ANM2 | 4.2 | Đạt |
| 463 | 463 | 2551041561 | Nguyễn Hữu | Kiều | 67CX1 | 4.6 | Đạt |
| 464 | 464 | 2551093062 | Vũ Xuân | Kỳ | 67MT1 | 2.4 | |
| 465 | 465 | 2551193333 | Lê Công | Lai | 67CNSH2 | 4 | Đạt |
| 466 | 466 | 2551122410 | Nguyễn Văn | Lai | 67KTĐ1 | 1.6 | |
| 467 | 467 | 2554093866 | Đỗ Thị Quỳnh | Lâm | 67KTA2 | 4.8 | Đạt |
| 468 | 468 | 2551041562 | Dương Bảo | Lâm | 67CX1 | 6.2 | Đạt |
| 469 | 469 | 2551212592 | Nguyễn Ngọc | Lâm | 67TĐH2 | 3.4 | |
| 470 | 470 | 2551060645 | Nguyễn Ngọc | Lâm | 67CNTT1 | 2.6 | |
| 471 | 471 | 2551242777 | Nguyễn Thành | Lâm | 67ĐTVT3 | 4 | Đạt |
| 472 | 472 | 2551041566 | Phạm Hoàng Hải | Lâm | 67CX1 | 2.2 | |
| 473 | 473 | 2551193335 | Lê Hương | Lan | 67CNSH2 | 3 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|------|------------|----------|---------|
| 474 | 474 | 2554054363 | Nguyễn Thị | Lan | 67TMĐT1 | 4.2 | Đạt |
| 475 | 475 | 2553025444 | Phạm Thị Mai | Lan | 67LUAT KT2 | 3.8 | |
| 476 | 476 | 2554023468 | Trịnh Thị | Lan | 67QT1 | 3 | |
| 477 | 477 | 2551122413 | Nguyễn Quang | Lân | 67KTĐ1 | 2.2 | |
| 478 | 478 | 2554023469 | Nguyễn Phương | Lanh | 67QT1 | 3.2 | |
| 479 | 479 | 2551193336 | Đinh Thị | Lành | 67CNSH1 | 3.2 | |
| 480 | 480 | 2551282946 | Trịnh Ngọc Quốc | Lập | 67KTRB2 | 3.2 | |
| 481 | 481 | 2553025446 | Nguyễn Thị Thanh | Lê | 67LUAT KT1 | 3 | |
| 482 | 482 | 2551132006 | Trần Quốc | Liêm | 67GT1 | 4.8 | Đạt |
| 483 | 483 | 2551183192 | Lương Phương | Liên | 67KTH2 | 4.6 | Đạt |
| 484 | 484 | 2554014082 | Đặng Thùy | Linh | 67K2 | 5 | Đạt |
| 485 | 485 | 2553025447 | Đỗ Thị Mai | Linh | 67LUAT KT2 | 4.2 | Đạt |
| 486 | 486 | 2551075077 | Đỗ Xuân | Linh | 67CTN2 | 2.4 | |
| 487 | 487 | 2553025448 | Dương Thùy | Linh | 67LUAT KT2 | 5.8 | Đạt |
| 488 | 488 | 2553015321 | Hà Khánh | Linh | 67LUAT1 | 2.8 | |
| 489 | 489 | 2554014084 | Lương Nguyễn Gia | Linh | 67K2 | 4.8 | Đạt |
| 490 | 490 | 2554083749 | Lý Diệu Ngọc | Linh | 67TCNH2 | 3.4 | |
| 491 | 491 | 2553025451 | Nguyễn Gia | Linh | 67LUAT KT1 | Vắng thi | |
| 492 | 492 | 2554044245 | Nguyễn Hải | Linh | 67KTXD2 | 4.4 | Đạt |
| 493 | 493 | 2554123991 | Nguyễn Ngọc | Linh | 67CNTC | 2.6 | |
| 494 | 494 | 2554023475 | Nguyễn Ngọc | Linh | 67QT2 | 6 | Đạt |
| 495 | 495 | 2551193340 | Nguyễn Thị Hoài | Linh | 67CNSH1 | 3.8 | |
| 496 | 496 | 2553025453 | Nguyễn Thị Kiều | Linh | 67LUAT KT2 | 3.4 | |
| 497 | 497 | 2551024845 | Nguyễn Thị Phương | Linh | 67N2 | 4 | Đạt |
| 498 | 498 | 2554113944 | Nguyễn Thùy | Linh | 67CNTC | 3.8 | |
| 499 | 499 | 2551034966 | Nguyễn Thùy | Linh | 67V1 | 3.2 | |
| 500 | 500 | 2553025454 | Nguyễn Thùy | Linh | 67LUAT KT2 | 4 | Đạt |
| 501 | 501 | 2551132007 | Nguyễn Trang | Linh | 67GT1 | 3 | |
| 502 | 502 | 2554014086 | Phạm Thị Trang | Linh | 67K2 | 5.6 | Đạt |
| 503 | 503 | 2551011332 | Phan Khánh | Linh | 67C1 | 7 | Đạt |
| 504 | 504 | 2553025456 | Trần Phương | Linh | 67LUAT KT1 | 5.2 | Đạt |
| 505 | 505 | 2551132008 | Trần Quang | Linh | 67GT2 | 3.2 | |
| 506 | 506 | 2551034968 | Trần Thị Khánh | Linh | 67CTN1 | 3.2 | |
| 507 | 507 | 2554023478 | Trần Thị Mỹ | Linh | 67QT2 | 3.6 | |
| 508 | 508 | 2551193342 | Trần Thị Phương | Linh | 67CNSH2 | 3.6 | |
| 509 | 509 | 2553015322 | Trần Thị Thùy | Linh | 67LUAT2 | 5 | Đạt |
| 510 | 510 | 2551041568 | Trương Thị Thủy | Linh | 67CX2 | 4 | Đạt |
| 511 | 511 | 2551193343 | Vũ Yên Kiều | Linh | 67CNSH1 | 8.4 | Đạt |
| 512 | 512 | 2553015324 | Đặng Thị Ngọc | Loan | 67LUAT1 | 3.4 | |
| 513 | 513 | 2551160779 | Đỗ Tấn | Lộc | 67HTTT1 | 3.4 | |
| 514 | 514 | 2551122418 | Phạm Bảo | Lộc | 67KTĐ3 | 5.2 | Đạt |
| 515 | 515 | 2551212597 | Phạm Văn | Lộc | 67TĐH2 | 4.6 | Đạt |
| 516 | 516 | 2551271175 | Tô Thế | Lộc | 67ANM1 | 4 | Đạt |
| 517 | 517 | 2551041570 | Nguyễn Khắc | Lợi | 67CX4 | 2.8 | |
| 518 | 518 | 2551111808 | Nguyễn Thắng | Lợi | 67CT1 | 3 | |
| 519 | 519 | 2551271177 | Vũ Đức | Lợi | 67ANM2 | 4.6 | Đạt |
| 520 | 520 | 2551111809 | Đoàn Trọng | Long | 67CT2 | Vắng thi | |
| 521 | 521 | 2551060646 | Lê Hải | Long | 67CNTT1 | 3.4 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|------------|----------|---------|
| 522 | 522 | 2551111810 | Lê Xuân | Long | 67CT3 | 2.6 | |
| 523 | 523 | 2551093069 | Nguyễn Đức | Long | 67MT2 | Vắng thi | |
| 524 | 524 | 2551170915 | Nguyễn Quang | Long | 67KTPM1 | 3.2 | |
| 525 | 525 | 2551122421 | Nguyễn Thành | Long | 67KTĐ2 | 2 | |
| 526 | 526 | 2551261047 | Nguyễn Thành | Long | 67TTNT2 | 2.2 | |
| 527 | 527 | 2551011334 | Phạm Duy | Long | 67C1 | 3.4 | |
| 528 | 528 | 2551111814 | Trần Đức | Long | 67CT1 | Vắng thi | |
| 529 | 529 | 2553025458 | Trần Gia | Long | 67LUAT KT2 | 2.8 | |
| 530 | 530 | 2551041575 | Trịnh Nguyễn Văn | Long | 67CX2 | 3.8 | |
| 531 | 531 | 2551111817 | Trịnh Thành | Long | 67CT1 | Vắng thi | |
| 532 | 532 | 2554074646 | Vũ Thị | Lựa | 67LG1 | 3 | |
| 533 | 533 | 2551183199 | Nguyễn Thành | Luân | 67KTH1 | 5.2 | Đạt |
| 534 | 534 | 2551111819 | Lê Đình | Lực | 67CT2 | 4 | Đạt |
| 535 | 535 | 2551170918 | Nguyễn Văn | Lực | 67KTPM2 | Vắng thi | |
| 536 | 536 | 2551111821 | Trần Đức | Lương | 67CT3 | 2.4 | |
| 537 | 537 | 2551024853 | Trần Đức | Lương | 67N1 | 2.4 | |
| 538 | 538 | 2553015327 | Bùi Khánh | Ly | 67LUAT1 | 3.4 | |
| 539 | 539 | 2554123997 | Chu Thị Khánh | Ly | 67CNTC | 2.8 | |
| 540 | 540 | 2554054373 | Giang Thị Cẩm | Ly | 67TMĐT2 | 5.8 | Đạt |
| 541 | 541 | 2553025459 | Lê Cẩm | Ly | 67LUAT KT1 | 4.4 | Đạt |
| 542 | 542 | 2551034972 | Nguyễn Kim | Ly | 67V2 | 2.6 | |
| 543 | 543 | 2554083754 | Nguyễn Thị Cẩm | Ly | 67TCNH1 | 3.8 | |
| 544 | 544 | 2551105214 | Nguyễn Thị Hương | Ly | 67H1 | 3 | |
| 545 | 545 | 2551170920 | Phạm Khánh | Ly | 67KTPM2 | 4.6 | Đạt |
| 546 | 546 | 2554083755 | Phạm Khánh | Ly | 67TCNH1 | 2.4 | |
| 547 | 547 | 2551034973 | Phan Thị Cẩm | Ly | 67V2 | 2.6 | |
| 548 | 548 | 2553025461 | Phan Thị Khánh | Ly | 67LUAT KT1 | 3.6 | |
| 549 | 549 | 2554123998 | Lê Ngọc | Mai | 67CNTC | Vắng thi | |
| 550 | 550 | 2554083757 | Nguyễn Phương | Mai | 67TCNH1 | 4.2 | Đạt |
| 551 | 551 | 2554074651 | Nguyễn Thị Thanh | Mai | 67LG2 | 5.8 | Đạt |
| 552 | 552 | 2551193346 | Nguyễn Thị Thuỳ | Mai | 67CNSH2 | 3.2 | |
| 553 | 553 | 2554023485 | Phạm Thị Thanh | Mai | 67QT1 | 3.8 | |
| 554 | 554 | 2551193347 | Trương Thị Tuyết | Mai | 67CNSH1 | 2.8 | |
| 555 | 555 | 2554104755 | Vũ Thị Ngọc | Mai | 67KTS | 5.4 | Đạt |
| 556 | 556 | 2551122422 | Hoàng Việt | Mạnh | 67KTĐ1 | 3.4 | |
| 557 | 557 | 2551041579 | Lê Văn | Mạnh | 67CX2 | Vắng thi | |
| 558 | 558 | 2551183202 | Lương Đức | Mạnh | 67KTH2 | 4.2 | Đạt |
| 559 | 559 | 2551212602 | Lưu Văn | Mạnh | 67TĐH2 | 3 | |
| 560 | 560 | 2551212603 | Ngô Văn | Mạnh | 67TĐH1 | 3.4 | |
| 561 | 561 | 2551122425 | Nguyễn Đình | Mạnh | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 562 | 562 | 2551242788 | Nguyễn Đức | Mạnh | 67ĐTVT1 | 3.8 | |
| 563 | 563 | 2551132011 | Nguyễn Huy | Mạnh | 67GT1 | Vắng thi | |
| 564 | 564 | 2551212605 | Nguyễn Thế | Mạnh | 67TĐH2 | Vắng thi | |
| 565 | 565 | 2551230498 | Vũ Xuân | Mạnh | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 566 | 566 | 2551142212 | Hoàng Vương | Mao | 67QLXD2 | 3 | |
| 567 | 567 | 2551230499 | Nguyễn Duy | May | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 568 | 568 | 2551230500 | Đàm Quang | Minh | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 569 | 569 | 2551212606 | Đỗ Lê | Minh | 67TĐH1 | 2.2 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|------------|----------|---------|
| 570 | 570 | 2554093883 | Đỗ Quang | Minh | 67KTA1 | 5.6 | Đạt |
| 571 | 571 | 2551242791 | Đỗ Xuân | Minh | 67ĐTVT1 | 3.6 | |
| 572 | 572 | 2551212607 | Lâm Văn | Minh | 67TĐH2 | 3.8 | |
| 573 | 573 | 2551132015 | Lê Công | Minh | 67GT2 | Vắng thi | |
| 574 | 574 | 2551170922 | Ngô Quang | Minh | 67KTPM2 | 2.6 | |
| 575 | 575 | 2551093071 | Nguyễn Công | Minh | 67MT2 | 2.4 | |
| 576 | 576 | 2551212610 | Nguyễn Đức | Minh | 67TĐH2 | 4.4 | Đạt |
| 577 | 577 | 2551075086 | Nguyễn Đức | Minh | 67CTN1 | 2.8 | |
| 578 | 578 | 2551230503 | Nguyễn Gia | Minh | 67KTO2 | Vắng thi | |
| 579 | 579 | 2551271184 | Nguyễn Quang | Minh | 67ANM1 | 1.8 | |
| 580 | 580 | 2551122428 | Nguyễn Thanh | Minh | 67KTĐ3 | 3.6 | |
| 581 | 581 | 2551034977 | Nguyễn Thị Ánh | Minh | 67V2 | 4.2 | Đạt |
| 582 | 582 | 2554083760 | Nguyễn Văn | Minh | 67TCNH1 | 3.6 | |
| 583 | 583 | 2551111831 | Nguyễn Xuân | Minh | 67CT1 | Vắng thi | |
| 584 | 584 | 2551041586 | Phạm Quang | Minh | 67CX1 | 3.6 | |
| 585 | 585 | 2551230504 | Phạm Văn | Minh | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 586 | 586 | 2554014096 | Triệu Bảo | Minh | 67K2 | 3.2 | |
| 587 | 587 | 2551230507 | Vũ Đức | Minh | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 588 | 588 | 2551105215 | Vũ Nhật | Minh | 67H1 | Vắng thi | |
| 589 | 589 | 2554044260 | Vũ Văn | Minh | 67KTXD2 | 1.8 | |
| 590 | 590 | 2554033627 | Đỗ Trần Trà | My | 67KT1 | 3.2 | |
| 591 | 591 | 2551193353 | Lê Hà | My | 67CNSH2 | 2.8 | |
| 592 | 592 | 2551132021 | Lưu Thị Trà | My | 67GT1 | 4.2 | Đạt |
| 593 | 593 | 2551193355 | Nguyễn Thị | My | 67CNSH1 | 2.8 | |
| 594 | 594 | 2553015336 | Nguyễn Thị Kiều | My | 67LUAT1 | 4.4 | Đạt |
| 595 | 595 | 2554023492 | Nguyễn Thị Trà | My | 67QT2 | 4.2 | Đạt |
| 596 | 596 | 2551060652 | Phạm Hà | My | 67CNTT1 | Vắng thi | |
| 597 | 597 | 2554023493 | Vũ Thị Trà | My | 67QT1 | 5.8 | Đạt |
| 598 | 598 | 2554033628 | Nguyễn Thị Hồng | Mỹ | 67KT2 | 4.2 | Đạt |
| 599 | 599 | 2551041587 | Bùi Phương | Nam | 67CX2 | 2 | |
| 600 | 600 | 2551282957 | Đình Hoài | Nam | 67KTRB2 | 3.2 | |
| 601 | 601 | 2554044262 | Lê Đức | Nam | 67KTXD2 | 2.8 | |
| 602 | 602 | 2551183204 | Lê Phương | Nam | 67KTH2 | Vắng thi | |
| 603 | 603 | 2551093073 | Nguyễn Đức | Nam | 67MT2 | Vắng thi | |
| 604 | 604 | 2551122434 | Nguyễn Quang | Nam | 67KTĐ1 | 3 | |
| 605 | 605 | 2551034978 | Nguyễn Trần Hải | Nam | 67V1 | 4.2 | Đạt |
| 606 | 606 | 2551122436 | Phan Văn | Nam | 67KTĐ1 | 3.4 | |
| 607 | 607 | 2554093887 | Đình Thúy | Nga | 67KTA1 | 1.4 | |
| 608 | 608 | 2554074659 | Lương Thị | Nga | 67LG1 | 4 | Đạt |
| 609 | 609 | 2554083763 | Nguyễn Thị | Nga | 67TCNH2 | 3.6 | |
| 610 | 610 | 2554023495 | Phạm Thị | Nga | 67QT2 | 3.2 | |
| 611 | 611 | 2554083764 | Trịnh Thúy | Nga | 67TCNH2 | 1.4 | |
| 612 | 612 | 2554033629 | Phan Thị | Nga | 67KT2 | Vắng thi | |
| 613 | 613 | 2553025472 | Ngô Thị Kim | Ngân | 67LUAT KT2 | 3.8 | |
| 614 | 614 | 2554033630 | Nguyễn Thanh | Ngân | 67KT1 | 3.4 | |
| 615 | 615 | 2554014104 | Trịnh Thị Kim | Ngân | 67K1 | 6 | Đạt |
| 616 | 616 | 2551261059 | Cao Thị Ánh | Ngân | 67TTNT2 | Vắng thi | |
| 617 | 617 | 2554023498 | Trần Minh | Nghĩa | 67QT2 | Vắng thi | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|--------|------------|----------|---------|
| 618 | 618 | 2553025474 | Trần Trung | Nghĩa | 67LUAT KT1 | 3.2 | |
| 619 | 619 | 2551183207 | Đặng Bảo | Ngọc | 67KTH1 | 3.8 | |
| 620 | 620 | 2554064520 | Khương Hoài | Ngọc | 67QTDL2 | 2.8 | |
| 621 | 621 | 2551132029 | Lại Hồng | Ngọc | 67GT2 | 2.8 | |
| 622 | 622 | 2554113945 | Lê Khánh | Ngọc | 67CNTC | 5.2 | Đạt |
| 623 | 623 | 2554074662 | Ngô Tiêu | Ngọc | 67LG1 | 4.8 | Đạt |
| 624 | 624 | 2551111839 | Nguyễn Bích | Ngọc | 67CT2 | 3.8 | |
| 625 | 625 | 2554033634 | Nguyễn Hà Bảo | Ngọc | 67KT2 | 5 | Đạt |
| 626 | 626 | 2553025475 | Nguyễn Khánh | Ngọc | 67LUAT KT1 | 4.4 | Đạt |
| 627 | 655 | 2551093081 | Bùi Thị Quỳnh | Như | 67MT2 | 2.8 | |
| 628 | 656 | 2554033642 | Nguyễn Bùi Quỳnh | Như | 67KT2 | 3.4 | |
| 629 | 657 | 2554014110 | Đỗ Tuyết | Nhung | 67K1 | 6 | Đạt |
| 630 | 658 | 2554033644 | Hoàng Thị Cẩm | Nhung | 67KT2 | 3.2 | |
| 631 | 659 | 2554054393 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 67TMĐT2 | 4.4 | Đạt |
| 632 | 660 | 2554104766 | Phạm Thị | Nhung | 67KTS | 4.8 | Đạt |
| 633 | 661 | 2554104767 | Tăng Phương | Nhung | 67KTS | 2.8 | |
| 634 | 662 | 2551122443 | Đinh Hoàng | Ninh | 67KTĐ3 | 2.4 | |
| 635 | 663 | 2553025480 | Ngọ Thị Hà | Ninh | 67LUAT KT2 | 3.4 | |
| 636 | 664 | 2551183218 | Phan Thị Ngọc | Ninh | 67KTH1 | 3.8 | |
| 637 | 665 | 2551093083 | Trần Kim | Oanh | 67MT1 | 2.8 | |
| 638 | 666 | 2554054395 | Trần Thị Phương | Oanh | 67TMĐT2 | 4.8 | Đạt |
| 639 | 667 | 2551041602 | Đoàn Đại | Phát | 67CX1 | 6.8 | Đạt |
| 640 | 668 | 2551132033 | Nguyễn Duy | Phát | 67GT1 | 3.6 | |
| 641 | 669 | 2551242801 | Phạm Văn | Phát | 67ĐTVT2 | 4.4 | Đạt |
| 642 | 670 | 2553025481 | Đoàn Quốc | Phong | 67LUAT KT1 | 4 | Đạt |
| 643 | 671 | 2551093086 | Hoàng Đình | Phong | 67MT1 | 5.8 | Đạt |
| 644 | 672 | 2551111847 | Trần Việt | Phong | 67CT3 | 3.6 | |
| 645 | 673 | 2551261067 | Hoàng Thanh | Phú | 67TTNT1 | 6 | Đạt |
| 646 | 674 | 2551242804 | Trần Đức | Phú | 67ĐTVT1 | 4 | Đạt |
| 647 | 675 | 2551041609 | Đặng Minh | Phúc | 67CX4 | 2.6 | |
| 648 | 676 | 2551041610 | Đào Minh | Phúc | 67CX4 | 4.2 | Đạt |
| 649 | 677 | 2554054398 | Lương Văn | Phúc | 67TMĐT1 | 3.8 | |
| 650 | 678 | 2551041611 | Nguyễn Hồng | Phúc | 67CX1 | 9 | Đạt |
| 651 | 679 | 2551122449 | Nguyễn Hồng | Phúc | 67KTĐ2 | 4 | Đạt |
| 652 | 680 | 2554044270 | Nguyễn Thị | Phúc | 67KTXD1 | 3.4 | |
| 653 | 681 | 2551142249 | Phan Ngọc | Phúc | 67QLXD1 | 2.8 | |
| 654 | 682 | 2551132038 | Lê Xuân | Phước | 67GT2 | 2.8 | |
| 655 | 683 | 2554044271 | Bùi Mai | Phương | 67KTXD1 | 3 | |
| 656 | 684 | 2551105226 | Lê Anh | Phương | 67H1 | 4.2 | Đạt |
| 657 | 685 | 2554054399 | Ngô Thị Thu | Phương | 67TMĐT1 | 3 | |
| 658 | 686 | 2553015350 | Nguyễn Thị | Phương | 67LUAT2 | 4 | Đạt |
| 659 | 687 | 2551034990 | Nguyễn Thị Ngọc | Phương | 67V1 | 4 | Đạt |
| 660 | 688 | 2551142252 | Vũ Thị Thanh | Phương | 67QLXD3 | 2.4 | |
| 661 | 689 | 2554033650 | Đỗ Thị Bích | Phượng | 67KT2 | 6.2 | Đạt |
| 662 | 690 | 2551041614 | Hoàng Anh | Quân | 67CX4 | 3 | |
| 663 | 691 | 2551041615 | Lê Minh | Quân | 67CX2 | 2.2 | |
| 664 | 692 | 2551122455 | Lò Văn | Quân | 67KTĐ1 | Vắng thi | |
| 665 | 693 | 2551183227 | Lưu Hồng | Quân | 67KTH2 | 4 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|------------|----------|---------|
| 666 | 694 | 2551261072 | Nguyễn Xuân | Quân | 67TTNT1 | 3.2 | |
| 667 | 695 | 2551075103 | Phan Nguyên | Quân | 67CTN1 | 4 | Đạt |
| 668 | 696 | 2551271203 | Phan Tất | Quân | 67ANM1 | 3.4 | |
| 669 | 697 | 2551230524 | Tạ Anh | Quân | 67KTO2 | Vắng thi | |
| 670 | 698 | 2551122456 | Trần Đắc | Quân | 67KTĐ2 | 3.2 | |
| 671 | 699 | 2551075104 | Trần Hoàng | Quân | 67CTN1 | 3.4 | |
| 672 | 700 | 2551122457 | Trần Nhật | Quân | 67KTĐ2 | 3.6 | |
| 673 | 701 | 2551060669 | Vũ Đức | Quân | 67CNTT2 | 4.6 | Đạt |
| 674 | 702 | 2551122458 | Bùi Huy | Quang | 67KTĐ3 | 2.8 | |
| 675 | 703 | 2551193370 | Bùi Minh | Quang | 67CNSH1 | 4 | Đạt |
| 676 | 704 | 2551111861 | Đặng Đình | Quang | 67CT2 | 7.4 | Đạt |
| 677 | 705 | 2553025489 | Đỗ Trung | Quang | 67LUAT KT2 | 3 | |
| 678 | 706 | 2551111862 | Đỗ Việt | Quang | 67CT3 | Vắng thi | |
| 679 | 707 | 2553015353 | Lưu Minh | Quang | 67LUAT2 | 4.4 | Đạt |
| 680 | 708 | 2554054401 | Nguyễn Minh | Quang | 67TMĐT2 | 4.6 | Đạt |
| 681 | 709 | 2554083775 | Nguyễn Vũ Vinh | Quang | 67TCNH2 | 3.2 | |
| 682 | 710 | 2553015355 | Vũ Ngọc | Quang | 67LUAT1 | Vắng thi | |
| 683 | 711 | 2551200274 | Võ Đình | Quốc | 67CĐT2 | 3.6 | |
| 684 | 712 | 2551282973 | Phan Văn | Quyên | 67KTRB2 | 3.6 | |
| 685 | 713 | 2551041625 | Nguyễn Văn | Quyên | 67CX4 | 8.6 | Đạt |
| 686 | 714 | 2551041626 | Trần Ngọc | Quyên | 67CX3 | 7 | Đạt |
| 687 | 715 | 2554054403 | Đàm Như | Quỳnh | 67TMĐT1 | 5 | Đạt |
| 688 | 716 | 2551183231 | Lò Diệp | Quỳnh | 67KTH2 | 4.4 | Đạt |
| 689 | 717 | 2554023515 | Nguyễn Hương | Quỳnh | 67QT1 | 4.2 | Đạt |
| 690 | 718 | 2553015357 | Nguyễn Ngọc | Quỳnh | 67LUAT2 | 3.4 | |
| 691 | 719 | 2551170939 | Nguyễn Thị Như | Quỳnh | 67KTPM1 | 5.8 | Đạt |
| 692 | 720 | 2554023517 | Phạm Như | Quỳnh | 67QT2 | 5 | Đạt |
| 693 | 721 | 2551142258 | Phạm Thị Như | Quỳnh | 67QLXD2 | 4.2 | Đạt |
| 694 | 722 | 2551024871 | Phạm Tiên | Quỳnh | 67N2 | 3.8 | |
| 695 | 723 | 2551060677 | Phùng Ngọc | Quỳnh | 67CNTT2 | 3 | |
| 696 | 724 | 2554014124 | Tô Diễm | Quỳnh | 67K2 | 4 | Đạt |
| 697 | 725 | 2551261076 | Trần Thị | Quỳnh | 67TTNT2 | 2.8 | |
| 698 | 726 | 2553025491 | Vũ Đặng Ngọc | Quỳnh | 67LUAT KT1 | 3.6 | |
| 699 | 727 | 2553025492 | Lâm Văn | Sắc | 67LUAT KT1 | Vắng thi | |
| 700 | 728 | 2551122467 | Lê Văn | Sang | 67KTĐ2 | 4.8 | Đạt |
| 701 | 729 | 2551142259 | Nguyễn Công | Sang | 67QLXD3 | 3 | |
| 702 | 730 | 2551132047 | Nguyễn Trọng | Sang | 67GT1 | Vắng thi | |
| 703 | 731 | 2551132048 | Nguyễn Đại | Sáng | 67GT1 | Vắng thi | |
| 704 | 732 | 2551024872 | Cao Đức | Sơn | 67N1 | 3.2 | |
| 705 | 733 | 2551193373 | Hoàng Hải | Sơn | 67CNSH2 | 3.4 | |
| 706 | 734 | 2551170944 | Mai Đình | Sơn | 67KTPM2 | 5.6 | Đạt |
| 707 | 735 | 2551041630 | Nguyễn Hồng | Sơn | 67CX3 | 3.8 | |
| 708 | 736 | 2551282975 | Nguyễn Ngọc | Sơn | 67KTRB2 | 4.2 | Đạt |
| 709 | 737 | 2551075108 | Nguyễn Xuân | Sơn | 67CTN2 | 3.4 | |
| 710 | 738 | 2551230536 | Trần Quang | Sơn | 67KTO2 | Vắng thi | |
| 711 | 739 | 2551230537 | Vũ Ngọc Hải | Sơn | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 712 | 740 | 2551132049 | Đỗ Đức | Tài | 67GT1 | Vắng thi | |
| 713 | 741 | 2551093097 | Lê Tuấn | Tài | 67MT1 | Vắng thi | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|------------|----------|---------|
| 714 | 742 | 2554074678 | Phạm Đức | Tài | 67LG1 | 3.6 | |
| 715 | 743 | 2551212632 | Vũ Ngọc | Tài | 67TĐH2 | 3.8 | |
| 716 | 744 | 2554093910 | Đào Minh | Tâm | 67KTA1 | 6.4 | Đạt |
| 717 | 745 | 2553015360 | Đinh Ngọc Thanh | Tâm | 67LUAT1 | 3.2 | |
| 718 | 746 | 2553025496 | Nguyễn Đình | Tâm | 67LUAT KT1 | Vắng thi | |
| 719 | 747 | 2553015361 | Nguyễn Hoàng | Tâm | 67LUAT1 | 2.8 | |
| 720 | 748 | 2554014126 | Nguyễn Minh | Tâm | 67K1 | 2.6 | |
| 721 | 749 | 2551122470 | Trần Minh | Tâm | 67KTĐ1 | 2.6 | |
| 722 | 750 | 2551093099 | Trần Mỹ | Tâm | 67MT2 | Vắng thi | |
| 723 | 751 | 2551122473 | Đặng Quốc | Thái | 67KTĐ3 | 3.6 | |
| 724 | 752 | 2551142267 | Nguyễn Đức | Thái | 67QLXD2 | 5.2 | Đạt |
| 725 | 753 | 2554014129 | Nguyễn Văn | Thái | 67K1 | 5.4 | Đạt |
| 726 | 754 | 2553025497 | Trần Đông | Thái | 67LUAT KT2 | 3.8 | |
| 727 | 755 | 2551122474 | Trần Trung | Thái | 67KTĐ3 | 5.8 | Đạt |
| 728 | 756 | 2554074681 | Từ Cảnh | Thái | 67LG1 | 5 | Đạt |
| 729 | 757 | 2554023519 | Đặng Thị | Thăm | 67QT2 | 4 | Đạt |
| 730 | 758 | 2553025498 | Đỗ Minh | Thắng | 67LUAT KT2 | 5.2 | Đạt |
| 731 | 759 | 2551041641 | Hoàng Đức | Thắng | 67CX2 | 4.4 | Đạt |
| 732 | 760 | 2551041642 | Lê Văn Quang | Thắng | 67CX3 | 4.6 | Đạt |
| 733 | 761 | 2551122476 | Nguyễn Tiên | Thắng | 67KTĐ2 | Vắng thi | |
| 734 | 762 | 2551122477 | Phạm Đức | Thắng | 67KTĐ2 | 2.6 | |
| 735 | 763 | 2554054409 | Phạm Thế Toàn | Thắng | 67TMĐT2 | 5.4 | Đạt |
| 736 | 764 | 2554023520 | Ngô Thị Phương | Thanh | 67QT1 | 3.6 | |
| 737 | 765 | 2551282980 | Nguyễn Vũ Chí | Thanh | 67KTRB1 | 7.2 | Đạt |
| 738 | 766 | 2551105236 | Bùi Đức | Thành | 67H1 | Vắng thi | |
| 739 | 767 | 2551142269 | Đặng Tiên | Thành | 67QLXD2 | 5.6 | Đạt |
| 740 | 768 | 2551111875 | Đỗ Tiên | Thành | 67CT1 | Vắng thi | |
| 741 | 769 | 2551041648 | Dương Đăng | Thành | 67CX1 | Vắng thi | |
| 742 | 770 | 2551282981 | Lã Duy | Thành | 67KTRB1 | 5.6 | Đạt |
| 743 | 771 | 2551282982 | Lê Đức | Thành | 67KTRB1 | 6 | Đạt |
| 744 | 772 | 2551111876 | Lê Phú | Thành | 67CT3 | Vắng thi | |
| 745 | 773 | 2551011377 | Lê Tất | Thành | 67C1 | 5.8 | Đạt |
| 746 | 774 | 2551230550 | Nguyễn Xuân | Thành | 67KTO2 | Vắng thi | |
| 747 | 775 | 2551170949 | Phạm Đăng Tiến | Thành | 67KTPM2 | 4 | Đạt |
| 748 | 776 | 2551122480 | Trần Ngọc | Thành | 67KTĐ1 | 2.8 | |
| 749 | 777 | 2551271218 | Trịnh Quang | Thành | 67ANM2 | Vắng thi | |
| 750 | 778 | 2554033655 | Đinh Thanh | Thảo | 67KT1 | Vắng thi | |
| 751 | 779 | 2551024882 | Hoàng Thị Phương | Thảo | 67N1 | 3.4 | |
| 752 | 780 | 2554083786 | Nguyễn Thanh | Thảo | 67TCNH2 | 3.8 | |
| 753 | 781 | 2551183238 | Nguyễn Thanh | Thảo | 67KTH1 | 3.2 | |
| 754 | 782 | 2551170952 | Nguyễn Thị | Thảo | 67KTPM2 | 3.8 | |
| 755 | 783 | 2554014131 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 67K2 | 5.6 | Đạt |
| 756 | 784 | 2553025500 | Phạm Hương | Thảo | 67LUAT KT2 | 4.8 | Đạt |
| 757 | 785 | 2551142271 | Phạm Thanh | Thảo | 67QLXD3 | 3.6 | |
| 758 | 786 | 2551093109 | Phạm Thị Phương | Thảo | 67MT1 | 4.4 | Đạt |
| 759 | 787 | 2551242827 | Phùng Thế | Thảo | 67ĐTVT1 | 3.2 | |
| 760 | 788 | 2554113948 | Trịnh Thị Phương | Thảo | 67CNTC | 3.6 | |
| 761 | 789 | 2554074687 | Võ Thị | Thảo | 67LG2 | 4.6 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|--------|------------|----------|---------|
| 762 | 790 | 2551142272 | Vũ Thị Phương | Thảo | 67QLXD1 | 3.2 | |
| 763 | 791 | 2551132053 | Vũ Mạnh | Thế | 67GT1 | 3.6 | |
| 764 | 792 | 2551122481 | Nguyễn Đình | Thiện | 67KTĐ3 | 3 | |
| 765 | 793 | 2551111881 | Nguyễn Thành | Thiện | 67CT3 | 3 | |
| 766 | 794 | 2553015364 | Phạm Thị Hương | Thiện | 67LUAT2 | 3.6 | |
| 767 | 795 | 2551041654 | Hoàng Minh | Thiệt | 67CX1 | Vắng thi | |
| 768 | 796 | 2554074688 | Đào Duy | Thịnh | 67LG2 | 3.4 | |
| 769 | 797 | 2551041655 | Ong Thế | Thịnh | 67CX4 | 3.4 | |
| 770 | 798 | 2551183243 | Nguyễn Thị | Thơ | 67KTH2 | 4.2 | Đạt |
| 771 | 799 | 2551242831 | Nguyễn Vi | Thọ | 67ĐTVT2 | 4 | Đạt |
| 772 | 800 | 2551183245 | Nguyễn Thị | Thoa | 67KTH1 | 3.6 | |
| 773 | 801 | 2551111887 | Hà Văn | Thông | 67CT3 | Vắng thi | |
| 774 | 802 | 2551122483 | Nguyễn Văn | Thông | 67KTĐ1 | 3.4 | |
| 775 | 803 | 2554014135 | Lê Mai | Thu | 67K2 | 3.8 | |
| 776 | 804 | 2554014136 | Ngô Thị | Thu | 67K1 | 2.8 | |
| 777 | 805 | 2554014137 | Nguyễn Thị | Thu | 67K2 | 3.2 | |
| 778 | 806 | 2554064537 | Nguyễn Thị | Thu | 67QTDL1 | 3.4 | |
| 779 | 807 | 2554083789 | Hoàng Thị | Thư | 67TCNH1 | 4.8 | Đạt |
| 780 | 808 | 2551093112 | Lê Thị Kim | Thư | 67MT2 | Vắng thi | |
| 781 | 809 | 2554023528 | Nguyễn Anh | Thư | 67QT1 | 3.6 | |
| 782 | 810 | 2551183248 | Nguyễn Hồ Anh | Thư | 67KTH2 | 3 | |
| 783 | 811 | 2554023529 | Nguyễn Thị Anh | Thư | 67QT1 | 4 | Đạt |
| 784 | 812 | 2551242832 | Nguyễn Thị Anh | Thư | 67ĐTVT3 | 6 | Đạt |
| 785 | 813 | 2554023530 | Trần Anh | Thư | 67QT2 | 5.8 | Đạt |
| 786 | 814 | 2554033662 | Trần Thị Minh | Thư | 67KT2 | 2.8 | |
| 787 | 815 | 2554033663 | Phạm Thị | Thường | 67KT1 | 4.4 | Đạt |
| 788 | 816 | 2554113949 | Lê Thị | Thùy | 67CNTC | 3.2 | |
| 789 | 817 | 2551183249 | Nguyễn Ngọc Phương | Thùy | 67KTH1 | 3 | |
| 790 | 818 | 2554104780 | Nguyễn Thu | Thùy | 67KTS | 4 | Đạt |
| 791 | 819 | 2551271222 | Trần Văn | Thuyết | 67ANM1 | 3.8 | |
| 792 | 820 | 2554023534 | Nguyễn Trịnh Thủy | Tiên | 67QT2 | Vắng thi | |
| 793 | 821 | 2551170957 | Dương Anh | Tiến | 67KTPM1 | 4.2 | Đạt |
| 794 | 822 | 2551170958 | Hà Thanh | Tiến | 67KTPM2 | 5 | Đạt |
| 795 | 823 | 2551132055 | Nguyễn Đạt | Tiến | 67GT1 | 1.6 | |
| 796 | 824 | 2551122487 | Nguyễn Hữu Hùng | Tiến | 67KTĐ1 | 3.8 | |
| 797 | 825 | 2551142277 | Nguyễn Huy | Tiến | 67QLXD1 | Vắng thi | |
| 798 | 826 | 2551212643 | Nguyễn Việt | Tiến | 67TĐH1 | 5.4 | Đạt |
| 799 | 827 | 2551230556 | Trần Văn | Tiến | 67KTO2 | Vắng thi | |
| 800 | 828 | 2551105241 | Hoàng Đức | Tiếp | 67H2 | 3.8 | |
| 801 | 939 | 2553025416 | Nguyễn Danh | Giàu | 67LUAT KT1 | 3.8 | |
| 802 | 940 | 2553025450 | Lê Văn | Linh | 67LUAT KT1 | 2.8 | |
| 803 | 829 | 2551170962 | Đặng Đình | Toàn | 67KTPM2 | 2.2 | |
| 804 | 830 | 2551041657 | Lê Tiên | Toàn | 67CX4 | 3.8 | |
| 805 | 831 | 2551060699 | Nguyễn Đức | Toàn | 67CNTT1 | 3.8 | |
| 806 | 832 | 2551122491 | Nguyễn Hữu Đức | Toàn | 67KTĐ3 | 2.4 | |
| 807 | 833 | 2551261089 | Nguyễn Việt | Toàn | 67TTNT1 | 2.4 | |
| 808 | 834 | 2551132058 | Phan Văn | Toàn | 67GT2 | Vắng thi | |
| 809 | 835 | 2551122493 | Đỗ Văn | Toàn | 67KTĐ1 | 3.4 | |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|--------|------------|----------|---------|
| 810 | 836 | 2551024888 | Vũ Thanh | Trà | 67N2 | 3.2 | |
| 811 | 837 | 2554033666 | Lưu Thị | Trâm | 67KT1 | 4.4 | Đạt |
| 812 | 838 | 2554023539 | Thân Bảo | Trân | 67QT2 | 4 | Đạt |
| 813 | 839 | 2554033667 | Bùi Thị | Trang | 67KT2 | 2.6 | |
| 814 | 840 | 2553025506 | Đỗ Thị Uyên | Trang | 67LUAT KT1 | 7.2 | Đạt |
| 815 | 841 | 2554064544 | Kiều Thị Diệu | Trang | 67QTDL1 | 4.8 | Đạt |
| 816 | 842 | 2554033671 | Lê Thu | Trang | 67KT1 | 3.2 | |
| 817 | 843 | 2554093924 | Mai Huyền | Trang | 67KTA1 | 2.4 | |
| 818 | 844 | 2553015370 | Nguyễn Mai | Trang | 67LUAT2 | 4.4 | Đạt |
| 819 | 845 | 2553015371 | Nguyễn Thị Kiều | Trang | 67LUAT2 | 5 | Đạt |
| 820 | 846 | 2554014147 | Nguyễn Thị Mai | Trang | 67K2 | 5.2 | Đạt |
| 821 | 847 | 2554104785 | Nguyễn Thị Minh | Trang | 67KTS | 4.2 | Đạt |
| 822 | 848 | 2553015372 | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang | 67LUAT1 | 2.8 | |
| 823 | 849 | 2553025507 | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang | 67LUAT KT1 | 3.6 | |
| 824 | 850 | 2551193385 | Nguyễn Thùy | Trang | 67CNSH2 | 2.2 | |
| 825 | 851 | 2551271225 | Phạm Thị Thu | Trang | 67ANM1 | 4 | Đạt |
| 826 | 852 | 2554104786 | Trần Thị Thủy | Trang | 67KTS | 4 | Đạt |
| 827 | 853 | 2554014149 | Trần Thị Thùy | Trang | 67K1 | 4.4 | Đạt |
| 828 | 854 | 2551242838 | Nguyễn Trọng | Tráng | 67ĐTVT3 | 3.2 | |
| 829 | 855 | 2551041659 | Mai Minh | Triết | 67CX2 | 3.4 | |
| 830 | 856 | 2551111897 | Mạc Đức | Trọng | 67CT1 | 5.2 | Đạt |
| 831 | 857 | 2554054427 | Đình Văn | Trung | 67TMĐT2 | 4.6 | Đạt |
| 832 | 858 | 2551122501 | Mai Văn | Trung | 67KTĐ2 | 3.4 | |
| 833 | 859 | 2553025509 | Nguyễn Chí | Trung | 67LUAT KT1 | 2.6 | |
| 834 | 860 | 2551111898 | Nguyễn Đức | Trung | 67CT2 | 3.8 | |
| 835 | 861 | 2551122502 | Nguyễn Ngọc | Trung | 67KTĐ3 | 8.4 | Đạt |
| 836 | 862 | 2551041664 | Nguyễn Thành | Trung | 67CX1 | 2.4 | |
| 837 | 863 | 2551170965 | Tạ Việt | Trung | 67KTPM1 | 3.2 | |
| 838 | 864 | 2551041666 | Trần Đắc | Trung | 67CX2 | Vắng thi | |
| 839 | 243 | 2554083710 | Vũ Đức | Duy | 67TCNH2 | 3.2 | |
| 840 | 244 | 2551271143 | Hoàng Thị Thu | Duyên | 67ANM2 | 4 | Đạt |
| 841 | 865 | 2553015373 | Trần Đoàn Quang | Trung | 67LUAT2 | 4.4 | Đạt |
| 842 | 866 | 2551212647 | Bùi Quan Văn | Trường | 67TĐH1 | 2.6 | |
| 843 | 867 | 2551122505 | Đình Quang | Trường | 67KTĐ1 | 3.2 | |
| 844 | 868 | 2553025511 | Hoàng Xuân | Trường | 67LUAT KT2 | 3.4 | |
| 845 | 869 | 2551060704 | Nguyễn Minh | Trường | 67CNTT2 | 3.2 | |
| 846 | 870 | 2551111901 | Tạ Văn | Trường | 67CT2 | Vắng thi | |
| 847 | 871 | 2551041670 | Hoàng Ngọc Anh | Tú | 67CX4 | Vắng thi | |
| 848 | 872 | 2551060705 | Lê Nhân | Tú | 67CNTT1 | 3.4 | |
| 849 | 873 | 2551122507 | Nguyễn Anh | Tú | 67KTĐ3 | 3.8 | |
| 850 | 874 | 2553015374 | Nguyễn Anh | Tú | 67LUAT2 | 4 | Đạt |
| 851 | 875 | 2553015375 | Nguyễn Đình | Tú | 67LUAT2 | 2.8 | |
| 852 | 876 | 2551183257 | Nguyễn Thị Cẩm | Tú | 67KTH2 | 3.6 | |
| 853 | 877 | 2554044294 | Phạm Xuân | Tú | 67KTXD1 | 3.4 | |
| 854 | 878 | 2551122509 | Thân Văn | Tú | 67KTĐ1 | 4.8 | Đạt |
| 855 | 879 | 2551132069 | Trần Hoàng | Tú | 67GT1 | Vắng thi | |
| 856 | 880 | 2551111905 | Vũ Minh | Tự | 67CT3 | Vắng thi | |
| 857 | 881 | 2553025512 | Lê Anh | Tuấn | 67LUAT KT2 | 4.8 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|------------|----------|---------|
| 858 | 882 | 2551242851 | Lê Văn | Tuấn | 67ĐTVT1 | 5 | Đạt |
| 859 | 883 | 2551142291 | Nguyễn Anh | Tuấn | 67QLXD1 | 3.2 | |
| 860 | 884 | 2551212654 | Phan Hữu | Tuấn | 67TĐH1 | 3.2 | |
| 861 | 885 | 2554074703 | Nguyễn Minh | Tuệ | 67LG1 | Vắng thi | |
| 862 | 886 | 2551132077 | Cù Đình | Tùng | 67GT1 | 3.4 | |
| 863 | 887 | 2551132078 | Đặng Minh | Tùng | 67GT2 | 3 | |
| 864 | 888 | 2553025513 | Hoàng | Tùng | 67LUAT KT1 | Vắng thi | |
| 865 | 889 | 2551041683 | Lưu Quang | Tùng | 67CX2 | 3.2 | |
| 866 | 890 | 2551212656 | Nguyễn Dương | Tùng | 67TĐH2 | 2.8 | |
| 867 | 891 | 2551041685 | Trần Quốc | Tùng | 67CX3 | 4.4 | Đạt |
| 868 | 892 | 2551122515 | Vũ Duy | Tùng | 67KTĐ3 | 2.8 | |
| 869 | 893 | 2551060709 | Phạm Chí | Tường | 67CNTT1 | Vắng thi | |
| 870 | 894 | 2551041688 | Hoàng Huy | Tường | 67CX1 | 6.4 | Đạt |
| 871 | 895 | 2551142299 | Đình Anh | Tuyết | 67QLXD3 | 2 | |
| 872 | 896 | 2554064553 | Nguyễn Thị Ánh | Tuyết | 67QTDL2 | 5 | Đạt |
| 873 | 897 | 2551242862 | Đỗ Trần | Uy | 67ĐTVT1 | 3.2 | |
| 874 | 898 | 2551122516 | Lý Gia | Uy | 67KTĐ3 | 3.4 | |
| 875 | 899 | 2554074706 | Đình Hải | Uyên | 67LG1 | 3 | |
| 876 | 900 | 2551160837 | Bùi Thị Hồng | Vân | 67HTTT2 | 3.6 | |
| 877 | 901 | 2554104787 | Bùi Thị Thảo | Vân | 67KTS | 3.6 | |
| 878 | 902 | 2551041689 | Lại Thảo | Vân | 67CX2 | 3.6 | |
| 879 | 903 | 2554014157 | Nguyễn Thị Ngọc | Vân | 67K2 | 3.4 | |
| 880 | 904 | 2551282998 | Trịnh Thị | Vân | 67KTRB2 | 3 | |
| 881 | 905 | 2551111918 | Phạm Khánh | Vang | 67CT3 | 3.6 | |
| 882 | 906 | 2554083807 | Đào Thảo | Vi | 67TCNH1 | 3.8 | |
| 883 | 907 | 2554044298 | Lê Thị | Vi | 67KTXD2 | 3.2 | |
| 884 | 908 | 2554044299 | Phạm Ngọc Hà | Vi | 67KTXD1 | 4.6 | Đạt |
| 885 | 909 | 2554033679 | Phạm Thị | Vi | 67KT1 | 3 | |
| 886 | 910 | 2551111919 | Nguyễn Duy | Việt | 67CT1 | Vắng thi | |
| 887 | 911 | 2551261102 | Nguyễn Tuấn | Việt | 67TTNT1 | 5.2 | Đạt |
| 888 | 912 | 2551122519 | Trần Tuấn | Việt | 67KTĐ2 | 4 | Đạt |
| 889 | 913 | 2551282999 | Trịnh Quốc | Việt | 67KTRB1 | 3 | |
| 890 | 914 | 2551122520 | Trương Quốc | Việt | 67KTĐ3 | 3.6 | |
| 891 | 915 | 2551093130 | Đỗ Thành | Vinh | 67MT1 | 3.8 | |
| 892 | 916 | 2553015378 | Nguyễn Duy Quang | Vinh | 67LUAT1 | 3.4 | |
| 893 | 917 | 2554064557 | Nguyễn Khánh | Vinh | 67QTDL2 | 2.8 | |
| 894 | 918 | 2551132086 | Nguyễn Tài | Vinh | 67GT2 | 4.4 | Đạt |
| 895 | 919 | 2554124020 | Nguyễn Văn | Vinh | 67CNTC | 2.6 | |
| 896 | 920 | 2551242868 | Nguyễn Văn | Vinh | 67ĐTVT1 | Vắng thi | |
| 897 | 921 | 2551122521 | Lưu Minh | Vũ | 67KTĐ2 | 3.6 | |
| 898 | 922 | 2551122522 | Nguyễn Văn | Vũ | 67KTĐ3 | 3.4 | |
| 899 | 923 | 2551271241 | Nguyễn Văn Lâm | Vũ | 67ANM2 | 4 | Đạt |
| 900 | 924 | 2551132087 | Trần | Vũ | 67GT1 | 4.6 | Đạt |
| 901 | 925 | 2551170977 | Dương Đức | Vương | 67KTPM2 | 2.4 | |
| 902 | 926 | 2551093133 | Nguyễn Văn | Vượng | 67MT2 | 3.6 | |
| 903 | 927 | 2554124022 | Ngô Thị Trà | Vy | 67CNTC | 3.4 | |
| 904 | 928 | 2554064562 | Trần Hà | Vy | 67QTDL1 | 3.2 | |
| 905 | 929 | 2553025520 | Trương Thị Yên | Vy | 67LUAT KT1 | 4 | Đạt |

| TT | SBD | Mã số | Họ và | Tên | Lớp | Điểm | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|---------|
| 906 | 930 | 2551093134 | Đỗ Thanh | Xuân | 67MT1 | 1.8 | |
| 907 | 931 | 2554093935 | Nguyễn Thanh | Xuân | 67KTA1 | 4.2 | Đạt |
| 908 | 932 | 2551183268 | Đặng Thị | Xương | 67KTH1 | 2.8 | |
| 909 | 933 | 2551142309 | Đặng Thị Hải | Yến | 67QLXD2 | 3.8 | |
| 910 | 934 | 2554023549 | Đào Hải | Yến | 67QT2 | 5 | Đạt |
| 911 | 935 | 2551142310 | Phạm Thanh | Yến | 67QLXD1 | 3 | |
| 912 | 936 | 2554064565 | Phùng Thị Hải | Yến | 67QTDL1 | 5 | Đạt |
| 913 | 937 | 2551075129 | Quàng Thị Bảo | Yến | 67CTN1 | Vắng thi | |
| 914 | 938 | 2554033683 | Vũ Thị Hải | Yến | 67KT1 | 3.4 | |
| 915 | 941 | 2551282969 | Lê Văn | Quân | 67KTRB2 | 3.4 | |
| 916 | 942 | 2551193393 | Lê Thị Diệu | Vân | 67CNSH2 | 3.4 | |
| 917 | 943 | 2551242730 | Trần Nguyễn Thu | Hà | 67ĐTVT3 | 2.8 | |
| 918 | 627 | 2554054386 | Nguyễn Minh | Ngọc | 67TMĐT1 | 4 | Đạt |
| 919 | 628 | 2554093891 | Nguyễn Minh | Ngọc | 67KTA2 | 2.4 | |
| 920 | 629 | 2551271188 | Nguyễn Thanh | Ngọc | 67ANM2 | 4.2 | Đạt |
| 921 | 630 | 2554093892 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc | 67KTA2 | 4.8 | Đạt |
| 922 | 631 | 2551193357 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc | 67CNSH1 | 4.8 | Đạt |
| 923 | 632 | 2554023499 | Trần Thị Minh | Ngọc | 67QT2 | 5 | Đạt |
| 924 | 633 | 2553025477 | Vũ Thị Bích | Ngọc | 67LUAT KT2 | 4.2 | Đạt |
| 925 | 634 | 2553015343 | Lê Doãn | Nguyên | 67LUAT2 | 2.2 | |
| 926 | 635 | 2551282962 | Lê Đức | Nguyên | 67KTRB2 | 5.4 | Đạt |
| 927 | 636 | 2551242798 | Nguyễn Duy Hoàng | Nguyên | 67ĐTVT1 | 5.4 | Đạt |
| 928 | 637 | 2551093077 | Phạm Thảo | Nguyên | 67MT1 | 4.4 | Đạt |
| 929 | 638 | 2551105220 | Vũ Đình | Nguyên | 67H1 | 2.2 | |
| 930 | 639 | 2554083767 | Lê Ánh | Nguyệt | 67TCNH1 | 2.6 | |
| 931 | 640 | 2551160801 | Phạm Minh | Nguyệt | 67HTTT1 | 5.4 | Đạt |
| 932 | 641 | 2554093896 | Trần Thanh | Nhàn | 67KTA2 | 4.2 | Đạt |
| 933 | 642 | 2551170930 | Nguyễn Đức | Nhân | 67KTPM2 | 4 | Đạt |
| 934 | 643 | 2551075095 | Trịnh Quang | Nhân | 67CTN1 | 3.4 | |
| 935 | 644 | 2551111841 | Ngô Trung | Nhật | 67CT3 | 4.4 | Đạt |
| 936 | 645 | 2551230513 | Nguyễn Hữu | Nhật | 67KTO1 | Vắng thi | |
| 937 | 646 | 2554093898 | Hoàng Tuyết | Nhi | 67KTA2 | 7 | Đạt |
| 938 | 647 | 2551160803 | Ngô Uyên | Nhi | 67HTTT1 | Vắng thi | |
| 939 | 648 | 2551193361 | Nguyễn Khánh | Nhi | 67CNSH1 | 3.4 | |
| 940 | 649 | 2551193362 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Nhi | 67CNSH1 | 5 | Đạt |
| 941 | 650 | 2551193363 | Nguyễn Thảo | Nhi | 67CNSH1 | 3.8 | |
| 942 | 651 | 2554033640 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 67KT2 | 3.6 | |
| 943 | 652 | 2554023503 | Nguyễn Tú | Nhi | 67QT1 | 3.8 | |
| 944 | 653 | 2551105222 | Phạm Ngọc Thanh | Nhi | 67H2 | 2.6 | |
| 945 | 654 | 2554014107 | Tạ Thị Yến | Nhi | 67K1 | 4.8 | Đạt |

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, PĐT(HT.03b).

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
(Đã ký)

TS. Trần Khắc Thạc